VANLANG UNIVERSITY

Bản đặc tả chương trình
Program Specification

Khoa Mỹ thuật và Thiết kế

Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế nội thất
Mã ngành: 7580108

Bản đặc tả chương trình này được thiết kế dành cho các đối tượng là sinh viên tiềm năng, sinh viên đang theo học, giảng viên, và các nhà tuyển dụng. Bản đặc tả chương trình mô tả tóm tắt về các đặc điểm chính của chương trình và các kết quả học tập mong đợi mà sinh viên có thể đạt được sau khi hoàn tất chương trình. Thông tin cụ thể về phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá, kết quả học tập mong đợi, và nội dung cho mỗi môn học có thể được tìm thấy trong bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học ở đường link ở cuối văn bản. Thông tin cụ thể về các quy định của nhà trường có thể được tìm thấy trên website của Phòng đào tạo.

Bản đặc tả chương trình này áp dụng từ niên khóa: 2021-2025 (K27).

Trưởng khoa

(đã ký)

ThS. HS. Phan Quân Dũng

Faculty of Arts and Design

Title of program: Bachelor of Interior design
Program code: 7580108

This program specification is designed for prospective students, current students, academic staff, and potential employers. It provides a summary of the programs' main features and expected learning outcomes that a typical student might achieve if he/she takes full advantage of the learning opportunities provided. Detailed information on the teaching and assessment methods, course expected learning outcomes and content can be found in the course specifications through the link at the end of this document. Detailed information on the university regulations can be found on the website of the Department of Academic Affairs.

This program specification is relevant to students entering 2021-2025 (K27).

Dean of faculty

(signed)

MPI. Phan Quan Dung

Phần A. Thông tin cơ bản/Tuyển sinh			Section A. Admissions/Management Information		
1	Tên chương trình:	Cử nhân Thiết kế nội thất	1	Title of program:	Bachelor of Interior design
2	Mã ngành:	7580108	2	Program code:	7580108
3	Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia Việt Nam:	Đại học - Bậc 6	3	Vietnam Qualifications Framework level of award:	Bachelor - Level 6
4	Niên khóa bắt đầu áp dụng bản đặc tả chương trình này:	2021 - 2025 (K27)	4	This program specification is relevant to students entering:	2021 - 2025 (K27) onward
5	Tên trường cấp bằng:	Đại học Văn Lang	5	Awarding institution:	Van Lang University
6	Tên khoa quản lý chương trình:	Khoa Mỹ thuật và Thiết kế	6	Administrative faculty:	Faculty of Arts and Design
7	Website của chương trình/khoa:	- Tiếng Anh: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/en/academic/interior-design-major - Tiếng Việt: https://www.tuyensinh.vanlanguni.edu.vn/thiet-ke-noi-that	7	Website of program/faculty:	- English: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/en/academic/interior-design-major - Vietnamese: https://www.tuyensinh.vanlanguni.edu.vn/thiet-ke-noi-that
8	Tên bằng cấp:	Bằng Cử nhân Thiết kế nội thất	8	Final award title:	Bachelor of Interior Design

9	Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp:	- Đảm nhận các vị trí từ nhân viên thiết kế đến trưởng phòng thiết kế nội thất ở các công ty, nhà xưởng sản xuất nội thất. - Nhân viên thiết kế ở công ty - Trưởng phòng thiết kế ở công ty - Tư vấn thiết kế về lĩnh vực nội thất - Giám sát thi công dự án - Tư vấn phát triển mẫu sản phẩm nội thất	9	Job titles of graduates:	- Taking on positions from design staff to interior design department chiefs in companies and furniture manufacturing firms. - Designers in companies - Head of the design department in companies - Interior design advisor - Project construction superviser - Interior products developing consultants
10	Các năng lực cốt lõi của sinh viên tốt nghiệp: *(theo bộ năng lực DACUM hoặc khung năng lực nghề nghiệp quốc gia, khu vực, quốc tế)*	A. Nghiên cứu B. Xây dựng ý tưởng C. Thiết kế D. Sử dụng công cụ thiết kế nội thất E. Phát triển thị trường/ doanh nghiệp F. Quản lý dự án G. Sử dụng công nghệ, chất liệu, công cụ ngành Thiết kế nội thất H. Quan hệ người và người I. Năng lực cá nhân (năng lực chung) J. Phẩm chất-thái độ-hành vi	10	Competency of program graduates: *(according to the DACUM competency set or national, regional or international professional competency framework)*	A. Research B. Ideation C. Design D. Use of interior design tools E. Market/business development F. Project Management G. Use of technology, materials and tools in the Interior Design industry H. Establishment of human-to-human relationships I. Personal ability J. Quality-attitude-behavior

11	Phương thức tuyển sinh: *(theo quy định của Bộ GDĐT và nhà trường)*	Nhà trường tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia, kết hợp thi/xét tuyển năng khiếu; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (Xét điểm học bạ năng học lớp 12 hoặc xét điểm năm học lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12), kết hợp thi/ xét tuyển năng khiếu; - Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp.HCM, kết hợp thi/ xét tuyển năng khiếu; - Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp thi tuyển các môn năng khiếu; - Phương thức 5: Xét tuyển thẳng các trường hợp đạt giải (theo quy định của Bộ GD&ĐT), kết hợp thi/ xét tuyển năng khiếu	11	Admission criteria: *(according to the regulations of the Minsitry of Education and Training, and of university)*	The university recruit students using the following selection methods: - Method 1: admission based on the result of the High school graduational examination, combined with aptitude tests/admission. - Method 2: admission based on the academic result in High school (based on the academic record in grade 12, or the academic record in grade 11 and semester 1 in grade 12), combined with aptitude tests/admission - Method 3: admission based on the result of the HCM City National University's aptitude test, combining with aptitude tests/admission; - Method 4: Admissions basing on examining learning results combined with taking tests of aptitude subjects; - Method 5: direct admission for students achieving national or international awards (adhering the regulation of the MOET), combining with aptitude tests/admission.
12	Phương thức đào tạo:	- Số tín chỉ: 135 tín chỉ - Độ dài chương trình: 4 năm - Loại hình đào tạo: trực tiếp tại trường - Các thời điểm tiếp nhận sinh viên: tháng 9	12	Length of program and mode of study:	- Number of credits: 135 credits - Length of program: 4 years - Mode: face-to-face (campus-based) - Start month(s): September
13	Ngôn ngữ dạy và học:	Tiếng Việt	13	Language of delivery:	Vietnamese

14	Điều kiện tốt nghiệp:	- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập - Tích luỹ đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo - Điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4 - Có chứng chỉ/ trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu do Trường quy định, có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng; Có kết qủa đạt học phần Giáo dục thể chất - Hoàn thành sổ hành trình sinh viên (Passport) - Tham gia 01 công trình nghiên cứu khoa học sinh viên	14	Graduation requirements:	- Up to the time of graduation, students must not been criminally prosecuted or being disciplined at the suspension level. - Accumulate sufficient number of credits and courses of the training program - The cumulative GPA (Grade Point Average) of the whole program is 2.00 or higher on a scale of 4 - Acquire a certificate/satisfactory foreign language proficiency prescribed by the University; have a certificate of National Defense Education; passed the Physical Education course - Complete the student journal (Passport) - Participating in a student scientific research project
15	Chuyển ngành, cơ hội học tập lên bậc cao hơn, lấy các chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề	- Chính sách chuyển ngành: Trong nội bộ trường: Sau 1 năm học, sinh viên cảm thấy không phù hợp với ngành học của mình, có thể làm đơn xin chuyển ngành với điều kiện: Điểm đầu vào có cùng hình thức xét tuyển (học bạ, THPTQG), Điểm phải bằng hoặc cao hơn ngành có nguyện vọng chuyển sang, và trong năm học qua sinh viên không nợ môn nào - Cơ hội học tập lên bậc cao hơn: Khi hoàn tất chương trình Thiết kế nội thất, sinh viên có thể tiếp tục học ở bậc cao hơn như Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng, Thạc sĩ Phê bình và lý luận mỹ thuật. - Cơ hội lấy chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề: Chương trình học tạo điều kiện cho sinh viên lấy các chứng chỉ nghề mở rộng kiến thức, các chứng chỉ của các tổ chức công ty xí nghiệp, hoặc các tổ chức chuyên môn của ngành thiết kế. Chứng chỉ hành nghề lĩnh vực Thiết kế nội thất.	15	Transfer to and from other programs, opportunities for further education, opportunities to acquire additional professional licenses and certificates:	- Transfer policy: Applied for within-school transfer: After 1 year of study, students who feel that unsuitable for their major, can apply for a change of majors with the following conditions: The entry points are in the same form of admission (Highschool profile, National Highschool Exam), The score must be equal to or higher than that required by the major in which one wishes to transfer, and the student has not failed any subjects in the last academic year. - Opportunities for further education: Upon completion of the Interior Design program, students can continue their studies at a higher level such as the Master of Applied Arts, Master of Art Criticism and Theory. - Opportunities to acquire additional professional licenses and certificates: The program allows students to obtain professional certificates that extend their knowledge, certificates from corporate organizations, or professional organizations of the design industry. Professional Certificate in Interior Design.

16	Đảm bảo chất lượng:	- Các bên liên quan của chương trình: nhà nước, nhà tuyển dụng, người giỏi nghề, cựu sinh viên, nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, giảng viên, và sinh viên - Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: Nghiên cứu tài liệu, phương pháp DACUM, khảo sát bằng phiếu hỏi - Các mục tiêu chất lượng: <u>Mục tiêu 1:</u> Cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng tổng thể 1.1. Củng cố cơ cấu tổ chức ĐBCL của nhà trường 1.2. Nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện ĐBCL 1.3. Tiếp tục triển khai chính sách ĐBCL 1.4 Xây dựng Hệ thống đánh giá nội bộ của Trường <u>Mục tiêu 2:</u> Chuẩn hóa các hoạt động theo bộ tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA 2.1. Nâng cao năng lực quản trị đại học cho cán bộ lãnh đạo và quản lý theo chuẩn tiên tiến 2.2. Cải tiến Chương trình đào tạo 2.3. Cải tiến công tác hỗ trợ sinh viên 2.4. Tăng cường hợp tác quốc tế 2.5. Phát triển nhân sự 2.6. Tối ưu hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất và các điều kiện học tập <u>Mục tiêu 3:</u> Kiểm định đạt chuẩn theo các bộ tiêu chuẩn	16	Academic quality assurance:	- Program associated entities: the government, employers, experts, alumni, the university, Ministry of Education, lecturers and students - Feedback mechanism: document research, DACUM method, survey by questionnaire - Quality goals: <u>Objective 1:</u> Continuously improve the overall Quality Assurance System 1.1. Strengthen the organizational structure of Quality Assurance System of the university 1.2. Develop professional capabilities of staff within the Quality Assurance System 1.3. Continue to implement quality assurance policies 1.4 Develop the university’s Internal Evaluation System <u>Objective 2:</u> Standardize activities based on AUN-QA's quality criteria 2.1. Improve the administrative capabilities of for leaders and managers of VLU, based on modern standards 2.2. Improve educational programs 2.3. Improve student support services 2.4. Strengthen international cooperation 2.5. Plan for staff development 2.6. Optimize and modernize VLU’s facilities and

17	Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh:	- Trưởng chương trình: ThS Lê Long Vĩnh; ĐT 0869291006; email: vinhll@vlu.edu.vn - Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: Nguyễn Thị Liên, học vị: Thạc sĩ, email: lien.nt@vlu.edu.vn , Số điện thoại: 0904741750	17	Program leaders and recruitment support staff: *(Contact information such full names, titles, emails, and phone number)*	- Program manager: M.A. Lê Long Vĩnh; Phone number: 0869291006; email: vinhll@vlu.edu.vn - Student recruitment specialist: M.A. Nguyễn Thị Liên, Phone number: 0904741750, email: lien.nt@vlu.edu.vn

Phần B. Thông tin chi tiết về chương trình			Section B. Detailed program information		
18	Bối cảnh của chương trình	Chương trình thiết kế Nội thất được xây dựng trên quan điểm kết nối và hợp tác. Phát triển các mối quan hệ hợp tác, giao lưu trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, tài nguyên với doanh nghiệp. Kết nối doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên tham quan kiến tập để sinh viên tiếp cận công nghệ cũng như vật liệu thiết bị mới. Tiếp cận các nhu cầu cần thiết của doanh nghiệp về mặt nhân sự thiết kế - tư vấn – sản xuất và thi công nội thất, trao đổi về nhu cầu thị trường thực tế để định hướng xây dựng chương trình đào tạo cũng như hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Học tập các chương trình đào tạo từ các trường đại học quốc tế thông qua các hoạt động hội thảo quốc tế, workshop, triển lãm thường niên với các đối tác là các trường ĐH các nước như Hàn Quốc, Thái Lan, Lào,	18	Internationalization/ globalization	The Interior Design program is built on connection and collaboration perspective. Develop cooperative relationships, exchange knowledge, experience and resources with businesses. Connecting businesses to guide students, create internships so that students can access new technologies and materials. Meeting the needs of businesses in terms of design - consulting - manufacturing and interior design personnel, discussing factual market needs to orientate the development of training programs as well as support career searching for students after graduation. Study training programs from international universities through international seminars, workshops, and annual exhibitions with partners from universities in countries such as Korea, Thailand, and Laos.

19	Mục tiêu giáo dục của chương trình (POs)	Một vài năm sau khi tốt nghiệp, người tốt nghiệp có thể: - PO1: Vận dụng kiến thức nền tảng (chính trị, văn hóa, xã hội, nghệ thuật) cùng với kiến thức chuyên ngành để sáng tạo và thiết kế công trình nội thất, đáp ứng nhu cầu xã hội, lĩnh hội được kiến thức, xu hướng mới tầm quốc tế. - PO2: Vận dụng tốt kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy đa chiều và tư duy sáng tạo, không ngừng tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu để vượt qua thách thức của thời đại, kỷ nguyên công nghệ trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Hợp tác liên ngành và giao tiếp liên văn hóa tốt, thích ứng tốt với nhiều môi trường thiết kế nội thất trong nước và quốc tế và có khả năng tạo ra các giá trị nghệ thuật mới nhưng gìn giữ bản sắc. - PO3: Ý thức tôn trọng luật pháp Việt Nam và quốc tế, đặc biệt quan tâm và chấp hành Luật bản quyền và các quy định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu. Ý thức đạo đức nghề nghiệp. Cống hiến tài năng, học tập suốt đời, đam mê nghệ thuật và sáng tạo. Đóng góp hiệu quả vào việc nâng cao nhận thức thẩm mỹ của xã hội thông qua thiết kế.	19	Program educational objectives (PEOs)	A few years after graduation, graduates will be able to: - PO1: Apply general knowledge (on politics, culture, society, art) along with professional knowledge to create and design interior works that meet social needs, while learning about new international trends in the field. PO2: Employ systems thinking, multi-dimensional thinking and creative thinking skills, constantly explore, learn and research to overcome the challenges of the technology era while working in the field. Offer good interdisciplinary cooperation and intercultural communication, adapt well to many domestic and international interior design environments, and be capable of creating new artistic values while preserving own identity. PO3: Obey Vietnamese and international laws, pay special attention to and comply with the Copyright Law and regulations on environmental protection and climate change mitigation. Have professional ethics awareness. Contribute talent, lifelong learning, passion for art and creativity. Effectively contribute to the enhancement of society's aesthetic awareness through design.

20	Đối sánh quốc gia, quốc tế: *(Đối sánh với các chương trình quốc gi và quốc tế, các chuẩn quốc tế như AACSB, ABET, NASAD, AHLEI…)*	- Các chương trình nước ngoài:CTĐT ngành Thiết kế nội thất trường Nghệ thuật Glasgow (GLASGOW SCHOOL OF ART) Anh. Trường (CHELSEA COLLEGE OF ARTS) Anh. - Các chương trình trong nước: CTĐT ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, Trường ĐH Tôn Đức Thắng. - Chuẩn quốc tế: QS Star 4 sao	20	Benchmarking: *(Benchmarked with domestic and international programs, international standards such as AACSB, ABET, NASAD, AHLEI, etc.)*	- International programs: Training program for interior design of the Glassgow School Of Art; Chelsea College Of Art - England - Domestic programs: Training program for interior design of the University Of Architecture - HCM City; Ton Duc Thang University - International standard(s): QS 4 Star
21	Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs): *Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể:*		21	Program learning outcomes (PLOs): *After successful completion of the program, students are able to:*	

Phân loại	Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs)	Tiêu chí thể hiện kết quả học tập mong đợi (PPC)
KNOWLEDGE	**1. General knowledge (PLO1): Áp dụng** các kiến thức về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, văn hoá, mỹ học, nghệ thuật, tâm lý và con người vào thiết kế nội thất.	**1.1. Áp dụng** các kiến thức thời đại về kinh tế, chính trị và xã hội vào thiết kế nội thất **1.2. Áp dụng** các kiến thức về pháp luật (trong lĩnh vực pháp lý, bản quyền) vào ngành Thiết kế nội thất. **1.3. Áp dụng** các kiến thức văn hoá, mỹ học và nghệ thuật làm cơ sở nền để tạo ra ý tưởng, phong cách… trong thiết kế nội thất **1.4. Áp dụng** các kiến thức về tâm lý và con người vào thiết kế nội thất nhằm tăng tinh thuyết phục, có giá trị đáp ứng nhu cầu con người.
	2. Foundational professional knowledge	**2.1. Vận dụng** các kiến thức về tạo hình (cơ sở tạo hình,

K-S-A	Program learning outcomes (PLOs)	Program performance criteria (PPC)
KNOWLEDGE	**1. General knowledge (PLO1):** Apply knowledge of economics, society, politics, law, culture, aesthetics, arts, psychology, and humanity into the field of Interior Design	**1.5. Apply** economic, political and social knowledge to the field of Interior Design; **1.6. Apply** legal knowledge (in the field of copy rights) to the field of Interior Design; **1.7. Apply** cultural, aesthetic and artistic knowledge as the background for creating concepts, styles, etc. in interior design; **1.8. Apply** knowledge of psychology and humanity in interior design to increase the persuasiveness and to meet human needs.

	(PLO2): Vận dụng các kiến thức về tạo hình, phương pháp sáng tạo, lịch sử và nghệ thuật vào thiết kế nội thất.	ngôn ngữ tạo hình,…) trong thiết kế nội thất. **2.2. Vận dụng** các phương pháp nghiên cứu và phương pháp sáng tạo trong thiết kế nội thất. **2.3. Vận dụng** kiến thức về lịch sử trong thiết kế nội thất. **2.4. Vận dụng** kiến thức về nghệ thuật (trang trí, mỹ thuật…) trong thiết kế nội thất.		**2. Foundational professional knowledge (PLO2):** Apply knowledge of visual arts, creativity methods, history and arts to Interior Design.	**2.5. Apply** knowledge of visual arts (principles of arts, visual language, etc.) in interior design. **2.6. Apply** research methods and creativity methods in interior design. **2.7. Apply** historical knowledge in interior design. **2.8. Apply** knowledge of arts (decoration, fine art, etc.) in interior design.
	3. Design knowledge (PLO3): Vận dụng kiến thức nguyên lý thiết kế, cấu tạo nội thất, và thị trường vào thiết kế nội thất, đáp ứng các nhu cầu thực tiễn.	**3.1. Vận dụng** nguyên lý thiết kế vào thiết kế công trình nội thất, sản phẩm nội thất đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng. **3.2. Vận dụng** kiến thức về kỹ thuật, cấu tạo, nhân trắc, phần mềm vào qui trình triển khai thiết kế nội thất. **3.3. Đề xuất** kế hoạch và dự toán về giá trị công trình, sản phẩm thiết kế nội ngoại thất.		**3. Design knowledge (PLO3):** Apply knowledge of design principles, interior layout, and the market to interior design, meeting practical needs.	**3.4. Apply** design principles into the design of interior works and interior products to meet the needs of customers. **3.5. Apply** knowledge of technology, layout, anthropometry, and software into the interior design implementation process. **3.6. Propose** plans and estimates on the value of works and interior and exterior design products.
	4. Kiến thức thiết kế PLO4: Thiết kế nội thất thể hiện tính thẩm mỹ, sự sáng tạo, phong cách cá nhân trong thiết kế nội thất	**4.1. Tổng hợp** các phong cách, trào lưu và thị hiếu thẩm mỹ của xã hội về thiết kế nội thất. **4.2. Thiết kế** sản phẩm nội thất thể hiện phong cách cá nhân **4.3. Thiết kế** các dự án/ công trình nội thất, làm ra sản phẩm thiết kế nội ngoại thất có tính thẩm mỹ, tính sáng tạo.		**4. Design knowledge (PLO4): Design** interior works that demonstrate aesthetics, creativity, and personal design style.	**4.4. Synthesize** the styles, trends and aesthetic preferences in interior design of the society **4.5. Design** interior products that reflect personal style. **4.6. Design** interior projects/ works, create interior and exterior design products with aesthetics and creativity.
SKILLS	**5. Usage of resource, tools and technology**	**5.1. Sử dụng** các kỹ năng diễn hoạ trong hệ thống thiết			

	(PLO 5): Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, phương pháp, công nghệ về thiết kế trong việc tạo ra các bản vẽ, sản phẩm, mô hình trong thiết kế nội thất.	kế từ ý tưởng, phong cách đến sơ đồ nguyên lý, hệ màu, chất liệu, kích thước... **5.2. Thực hiện** các quy trình, nguyên lý thiết kế vào xây dựng hệ thống thiết kế, hồ sơ chi tiết thi công, quản lý dự án… **5.3. Phối hợp** các kỹ năng sử dụng kỹ thuật số, phần mềm thiết kế, công nghệ in mô hình (print 3D)/ công nghệ thực tế ảo (VR/ AR) nhằm hỗ trợ cho sáng tạo trong thiết kế, sản phẩm đồ đạc nội thất và mô hình nội thất, thể hiện và chiết xuất bản vẽ đầy đủ các thành phần từ tổng thể đến chi tiết và sản xuất/ thi công… **5.4. Kết hợp** các vật liệu dựa trên nền tảng các công nghệ vật liệu mới của thế giới nhằm thay đổi các bề mặt vật liệu trong thiết kế nội thất, thiết kế sản phẩm…	**SKILLS**	**5. Usage of resource, tools and technology (PLO5):** Proficiently **utilize** design techniques, methods, and technology in creating technical drawings, mockups, and products in interior design.	**5.5. Utilize** visualization skills in the design system from concepts, styles to schematic diagrams, color schemes, materials, and sizes, etc. **5.6. Implement** design processes and principles in creating design systems and detailed documents of project execution and management. **5.7. Utilize** skills in using digital technology, design software, 3D printing technology, and virtual reality technology (VR / AR) to support creativity in design, especially for furniture products and interior mockups, to extract working drawings of the overall products and of detailed components. **5.8. Incorporate** materials based on the world's new material technologies in interior design and product design.
	6. Design skills (PLO 6): PLO 6: Vận dụng thành thạo tư duy sáng tạo, tư duy thiết kế, tư duy phản biện, và kỹ năng giải quyết vấn đề trong thiết kế nội thất.	**6.1. Sử dụng** tư duy sáng tạo và tư duy thiết kế nhằm giải quyết các chủ đề ý tưởng/ phương án thiết kế trong nội thất. **6.2. Phối hợp** tư duy phản biện với các nguồn nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận hợp lý về các vấn đề thực tiễn. **6.3. Giải quyết** tốt các tình huống trong môi trường thiết kế và công việc.		**6. Design skills (PLO6): PLO 6:** Proficiently **apply** creative thinking, design thinking, critical thinking, and problem solving skills in interior design.	**6.4. Use** creative thinking and design thinking to solve problems in interior design concepts/ options. **6.5. Coordinate** critical thinking with research sources to analyze, evaluate, and draw logical conclusions about practical issues. **6.6.** Effectively **solve** issues arising in design and work environments.

	7. Teamwork (PLO 7): Phối hợp kỹ năng làm việc độc lập với làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và phát triển các mối quan hệ với các bên liên quan trong các hoạt động thiết kế nội thất.	**7.1. Phối hợp** làm việc độc lập với làm việc nhóm một cách hiệu quả **7.2. Xây dựng và phát triển** các mối quan hệ đối nội và đối ngoại. **7.3. Giao tiếp** hiệu quả bằng lời nói, văn bản, soạn thảo và trình bày các thuyết minh, thuyết trình dự án để giúp khách hàng/ chủ đầu tư ra quyết định phù hợp
	8. Technology and language (PLO 8): Sử dụng thành thạo CNTT và sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động giao tiếp và chuyên môn.	**8.1. Sử dụng** thành thạo các phần mềm công nghệ kỹ thuật số, CNTT và phần mềm thiết kế thuộc chuyên ngành vào thiết kế nội thất. **8.2. Sử dụng** tiếng Anh đạt trình độ B1(chuẩn châu Âu) hoặc các chương trình tương đương.
ATTITUDES	**9. Social responsibilities (PLO 9): Giữ gìn** đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững, hội nhập quốc tế.	**9.1. Gìn giữ** đạo đức nghề nghiệp. **9.2. Thể hiện** ý thức phục vụ cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững cho quốc gia và toàn cầu.
	10. Career orientation (PLO 10): Thể hiện nhu cầu tự khám phá, nghiên cứu, mong muốn học tập suốt đời, tích cực đổi mới bản thân.	**10.1. Thể hiện** tinh thần tự khởi nghiệp. **10.2. Thể hiện** thói quen khám phá, tự nghiên cứu, và tự học suốt đời. **10.3. Kết nối** trao đổi kinh nghiệm với người khác và học tập từ người khác trong mọi tình huống nhằm đổi

	7. Teamwork (PLO7): Incorporate independent working with teamworking, communication skills and develop relationships with stakeholders.	**7.4. Incorporate** independent working with teamworking effectively **7.5. Build and develop** internal and external relationships. **7.6. Communicate** effectively orally and in writing, give project presentations to help clients/investors make appropriate decisions.
	8. Technology and language (PLO8): Utilize IT proficiently and use foreign language in communication and professional activities.	**8.3. Utilize** digital technology, IT and specialized design software in interior design proficiently. **8.4. Use** English at level B1 (Common European Framework of Reference) or equivalent.
ATTITUDES	**9. Social responsibilities (PLO9): Maintain** professional ethics, demonstrate responsibility for community service, environmental protection, sustainable development, and international integration.	**9.3. Maintain** professional ethics. **9.4. Demonstrate** an awareness for community service, environmental protection and sustainable development of the country and the world.

		mới bản thân, nâng cao trình độ.		**10. Career orientation (PLO10): Demonstrate** a desire for self-discovery, research, lifelong learning, and self-innovation.	**10.4. Demonstrate** spirit of a self-starter. **10.5. Demonstrate** a habit of self-discovery, research, lifelong learning. **10.6. Connect** to exchange experience and learn from others to improve and renew yourself.

Phần C. Dạy và học chương trình			**Section C. Teaching/learning methods and strategies**		
22	Triết lý giáo dục của nhà trường:	Đạo đức - Ý chí - Sáng tạo	22	Educational philosophy of the university:	Morality - Will - Creativity
23	Triết lý giáo dục của khoa/chương trình:	Học tập thông qua trải nghiệm thực tế.	23	Educational philosophy of the faculty/program:	Learning through reality experience.
24	Cách tiếp cận dạy và học: *(Mô hình dạy học, phương pháp giảng dạy)*	Flipped class Blended learning Project based learning	24	Teaching and learning paradigm:	
25	Đánh giá sinh viên: *(Đánh giá đầu vào, đánh giá tiến trình và đầu ra)*	- Đánh giá đầu vào: trên cơ sở điểm tuyển sinh theo các phương thức. - Đánh giá quá trình: Đánh giá quá trình thông qua các môn học bằng các hình thức như; thuyết trình nghiên cứu; tiểu luận, bài tập cá nhân/ nhóm hoặc đánh giá qua báo cáo thiết kế nhanh hoặc tiến độ của đồ án. - Đánh giá đầu ra: đồ án tốt nghiệp, và điểm tích lũy tổng số tín chỉ sinh viên đạt được trong suốt quá trình học tập.	25	Student assessment:	- Evaluation of entry: based on entry scores according to the methods. - Evaluation of the process: Process assessment through the subjects in the form of research presentations, essays, individual/group assignments, or assessments through quick design reports or project progress. - Evaluation of output: graduation project and a cumulative score of the total number of credits earned by students during their study.

26	Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của sinh viên:	Chương trình đánh giá việc đạt được PLOs của sinh viên trong suốt quá trình học tập và ở đầu ra bằng các phương pháp đa dạng: - Đánh giá qua môn học: PLOs được chuyển tải vào CLOs của môn học và đánh giá việc đạt được CLOs của sinh viên. - Đánh giá qua kỳ thực tập: PLOs được chuyển tải thành tiêu chí đánh giá thực tập. - Đánh giá việc đạt được PLOs của sinh viên theo từng năm học: Đánh giá định lượng việc đạt được PLOs của sinh viên căn cứ vào số lượng môn học sinh viên đã hoàn thành; thực hiện cuối mỗi năm học.	26	Mechanism to establish and monitor achievement of program outcomes:	The program assesses students' achievement of PLOs throughout and at the end of their studies using a variety of methods: - Assessment through the courses: PLOs are transferred into the CLOs of the courses and assess the students' achievement of the CLOs. - Evaluation through the internship(s): PLOs are translated into the criteria for assessing the internship(s). - Assessment of students' achievement of PLOs by each academic year: assessment students' achievement of PLOs based on the number of courses students have completed; this is done at the end of each academic year.

27 | Tóm tắt về cấu trúc và nội dung chương trình: *(Sơ đồ block các môn học)*

Sơ đồ block các môn học CT Thiết kế nội thất

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (19 TC)

CHÍNH TRỊ (11 TC)
1. Triết học Mác Lê nin (3TC)
2. Kinh tế chính trị Mác Lê Nin (2TC)
3. CNXH Khoa học (2TC)
4. Tư Tưởng Hồ Chí Minh (2TC)
5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)

PHÁP LUẬT (4 TC)
1. Pháp luật đại cương (2TC)
2. Luật sở hữu trí tuệ (2TC)

KINH TẾ (2 TC)
1. Marketing (2TC)

MÔI TRƯỜNG (2TC)
1. Môi trường và con người (2TC)

CÁC MÔN BỔ TRỢ (30 TC)

NGOẠI NGỮ (21 TC)
1. Tiếng Anh 1 (3TC)
2. Tiếng Anh 2 (3TC)
3. Tiếng Anh 3 (3TC)
4. Tiếng Anh 4 (3TC)
5. Tiếng Anh 5 (3TC)
6. Tiếng Anh 6 (3TC)
7. Tiếng Anh 7 (3TC)

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4 TC)
1. Tin học cơ bản (2TC)
2. Ứng dụng kỹ thuật số 1 (2TC)

PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (5 TC)
1. Phương pháp sáng tạo (2TC)
2. Môn học kỹ năng mềm (3TC)

CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (33 TC)

VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT (8 TC)
1. Lịch sử mỹ thuật Thế giới (2TC)
2. Lịch sử mỹ thuật Việt Nam (2TC)
3. Nghệ thuật học (2TC)
4. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)

TRANG TRÍ VÀ TẠO HÌNH (13TC)
1. Trang trí cơ bản (3TC)
2. Cơ sở tạo hình mỹ thuật (2LT)
3. Hình họa 1 (3TC)
4. Hình họa 2 (3TC)
5. Môn tự chọn 1 – chọn 1 trong 2 môn (2TC)

5.1. Điêu khắc

5.2. Diễn hoạ chất liệu (marker/ màu nước…)

CƠ SỞ THIẾT KẾ (12 TC)
1. Nhập môn nội thất (2TC)
2. Cơ sở bản vẽ và cấu tạo kiến trúc – nội thất (3TC)
3. Cơ sở Ngành nội thất (2TC)
4. Nguyên lý thiết kế Kiến trúc (2TC)
5. Nguyên lý thiết kế Nội thất (3TC)

TRẢI NGHIỆM THỰC TIỄN (9 TC)

1. Thiết kế trang thiết bị nội thất (3TC)
2. Thiết kế chiếu sáng nội thất (3TC)
3. Thực tập tốt nghiệp (3TC)

CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (28 TC)

LỊCH SỬ NGÀNH (3 TC)
1. Lịch sử nội thất (3TC)

THỂ HIỆN BẢN VẼ (11 TC)
1. Vẽ phối cảnh nội thất (2TC)
2. Ứng dụng kỹ thuật số 2 – Sketch Up (2TC)
3. Ứng dụng kỹ thuật số 3 – 3DMax (2TC)
4. Khai triển bản vẽ kỹ thuật và vật liệu (3TC)
5. Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất (2TC)

ĐỒ ÁN (12 TC)
1. Thiết kế nội thất công trình Nhà ở (3TC)
2. Thiết kế nội thất công trình Thương mại (2TC)
3. Đồ án chuyên ngành tự chọn (2TC)
4. Thiết kế nội thất công trình Dịch vụ (3TC)
5. Thiết kế nội thất Văn Phòng (2TC)

CÔNG NGHỆ (2 TC)

1. Môn học tự chọn 2 – chọn 1 trong 2 môn (2TC):

1.1. Công nghệ thực tế ảo (VR/ AR…)

1.2. Ứng dụng kỹ thuật số (Photoshop /…)

K27 CỬ NHÂN THIẾT KẾ NỘI THẤT (135 TC)

ĐỊNH HƯỚNG TỰ CHỌN (8 TC)

SV có thể định hướng chọn học theo 1 trong 2 hướng chuyên sâu 8 TC (thiết kế concept hoặc thiết kế thực dụng)

CHUYÊN SÂU 1: (THIẾT KẾ CONCEPT) (8TC)
- - Đồ án tiền tốt nghiệp (chuyên sâu thiết kế concept) (3TC)
- Nghiên cứu chuyên đề nội thất (chuyên sâu thiết kế concept) (2TC)
- Nghiên cứu kiến trúc - nội thất truyền thống (3TC)

CHUYÊN SÂU 2: (THIẾT KẾ THỰC DỤNG) (8TC)
- Đồ án tiền tốt nghiệp (chuyên sâu thiết kế thực dụng) (3TC)
- - Nghiên cứu chuyên đề nội thất (chuyên sâu thiết kế thực dụng) (2TC)
- - Thiết kế trải nghiệm cộng đồng (3TC)

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (8 TC)

Đồ án tốt nghiệp (8TC)

CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN

1. Giáo dục quốc phòng
2. Giáo dục thể chất 1, 2

27 | Program structure and content: *(Block diagram of courses)*

K27
BACHELOR OF INTERIOR DESIGN
(135 CREDITS)

GENERAL SUBJECTS 19 Credits)

POLITICS (11 Credits)
1. Philosophy of marxism– Leninism (3Credits)
2. Marxian Economics (2 Credits)
3. Scientific Socialism (2 Credits)
4. Ho Chi Minh Ideology (2 Credits)
5. History of the Communist Party (2 Credits)

LAW (4 Credits)
1. General Law (2 Credits)
2. Intellectual property law (2 Credits)

ECONOMY (2 Credits)
1. Marketing (2 Credits)

ENVIRONMENT (2 Credits)
1. Environment and Human (2 Credits)

FOREIGN LANGUAGE (21 Credits)
1. English 1 (3 Credits)
2. English 2 (3 Credits)
3. English 3 (3 Credits)
4. English 4 (3 Credits)
5. English 5 (3 Credits)
6. English 6 (3 Credits)
7. English 7 (3 Credits)

INFORMATION TECHNOLOGY (4 Credits)
1. Basic Informatics (2 Credits)
2. Digital Application 1 (2 Credits)

METHOD - SKILL (5 Credits)
1. Methodology of creativity (2TC)
2. Soft skill (3 Credits)

FOUNDATION SUBJECTS (33 Credits)

CULTURE - ARTS (8 Credits)
1. History of World Arts (2 Credits)
2. History of VN Arts (2 Credits)
3. Arts Theory (2 Credits)
4. Fundamentals of Vietnamese Cultures (2 Credits)

DECORATING AND SHAPING (13 Credits)
1. Foundational Art (3 Credits)
2. Principles of Art (2 Credits)
3. Basic Drawing I (3 Credits)
4. Basic Drawing II (3 Credits)
5. Elective Subjects– Choose 1 out of 2 subjects (2 Credits)

5.1. Sculpture
5.2. Material Illustration (marker/ water color…)

DESIGN FUNDAMENTALS (12 Credits)
1. Introduction interior design (2 Credits)
2. Technical drawing & Architecture - Interior structure (3 Credits)
3. Foundation of interior design (2 Credits)
4. Architectural design principles (2 Credits)
5. Interior design principles (3 Credits)

PRACTICAL EXPERIENCE (9 Credits)

1. Furniture design (3 Credits)
2. Lighting interior design (3 Credits)
3. Final Internship (3 Credits)

SPECIALIZED SUBJECTS (28 CREDITS)

HISTORY OF INTERIOR DESIGN (3 Credits)
1. History of interior design (3 Credits)

SHOP DRAWING (11 Credits)
1. Perpestive (2 Credits)
2. Digital Application 2 – Sketch Up (2 Credits)
3. Digital Application 3 – 3DMax (2 Credits)
4. Construction Drawings and Material for interiors (3 Credits)
5. Fundamentals of project (2 Credits)

PROJECTS (12 Credits)
1. Residential interior design project (3 Credits)
2. Commercialinterior design project (2Credits)
3. Elective specialized project (2 Credits)
4. Service interior design project(3 Credits)
5. Office interior design project (2 Credits)

TECHNOLOGY (2 Credits)
1. Elective Subject 2 – Choose 1 out of 2 subjects (2 Credits):

1.1. Virtual Reality in interior design(VR/ AR…)
1.2. Digital Application (Photoshop /…)

SELF-CHOICE ORIENTATION (8 CREDITS)

Students can choose to study in 1 of 2 intensive directions (8 Credits) (concept design or pragmatic design expertise)

DEPARTMENT 1: (CONCEPT DESIGN) (8 CREDITS)
- Pre-Graduation project (specializing in concept design) (3 Credits)
- Interior study (specializing in concept design) (2 Credits)
- Tranditional architecture - interior researchs (3 Credits)

DEPARTMENT 2: (PRACTICAL DESIGN) (8 CREDITS)
- Pre-Graduation project (pragmatic design expertise) (3 Credits)
- Thematic research (pragmatic design expertise) (2 Credits)
- Public designs (3 Credits)

GRADUATION PROJECTS(8 CREDITS)

Graduation Project (8 Credits)

CONDITIONAL SUBJECTS

1. National Defense Education
2. Physical Activity I, II

28	Sự đóng góp của các môn học cho PLOs và PPC *(Ma trận mức độ đóng góp IPM của môn học cho PLO và PPC)*
28	Development of program learning outcomes in the constituent courses *(How individual courses contribute to the PLOs and PPC)*

No.	Course title	Year	PLO1				PLO2				PLO3			PLO4			PLO5					PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PLO10		
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	5.4	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	10.3
1	Principles of Marxism-Leninism	1	I	I																		I											
2	Physical Education (I)	1	I																														
3	English (I)	1	I																								I						
4	Introduction to Informatics	1	I																							I							
5	Principles of Interior Design	1			I						I		I										I							I			
6	Fine art establishment	1						I		I														I				I					
7	Soft Skills	1				I																	I	I									
8	Marxist-Leninist political economy	1	I																										I				
9	Physical Education (II)	1																															
10	English (II)	1																									I						
11	Basic decoration	1								I					I	I					I												
12	Drawing (I)	1					I																										
13	Elective 1 (choose 1 of 2 courses) (1)Sculpture	1												I	I																		
	(2) Materials Visualization (marker/watercolor...)	1												I	I																		
14	English (III)	1																							I								
15	National Defense Education	1																															
16	Digital Applications 1 (AutoCad 2D)	1																I	I						I							I	
17	Architectural and interior drawing and structure	1										I						I		I													
18	Creative methodology	1						I						I							I								I				I
19	Drawing (II)	1					I										I																
20	Social science	2	P																											I			

No.	Course title	Year	PLO1				PLO2				PLO3			PLO4			PLO5					PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PLO10		
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	5.4	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	10.3
21	English (IV)	2																							P							
22	Digital Application 2 (SketchUp)	2																P									P					
23	Fundamental Vietnamese Culture	2			I	I																				I					I	
24	Principles of architectural design	2						P			I				P								P									
25	Furniture industry foundations	2					P								P						P			P		P						
26	Ho Chi Minh's Thought	2	P																										P			
27	English (V)	2																							P			P				
28	Digital Applications 3 (3DMax)	2									P								P								P					
29	History of World Fine Art	2			P				I	P																						I
30	Interior perspective drawing	2										P					P														P	
31	Principles of Interior design	2				P										P					P		P								P	
32	English (VI)	2																							M			P				
33	History of Vietnamese Fine Art	2			P				I	P																						P
34	History of Interior Design	2							P					P								I		P							P	
35	Technical and material drawings development	2										P	P				P	P		P												
36	Elective 2 (choose 1 of 2 courses) (1) Virtual reality technology (AR, VR...)	2									P						P		P								P					P
	(2) Digital Applications (Photoshop)	2									P						P		P								P					P
37	History of the Vietnamese Communist Party	3	M																													
38	English (VII)	3																							M			M				
39	Art Studies	3			M									P																		P
40	Demonstrating furniture project techniques	3					P								P		M		M													
41	Interior Lighting Design	3						P					P		M					P										P		

No.	Course title	Year	PLO1				PLO2				PLO3			PLO4			PLO5					PLO6		PLO7			PLO8		PLO9		PLO10		
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	5.4	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	10.3
42	Elective specialized project (Education/culture/exhibition/library/coffee shop...)	3						M			M											P				P				P			
43	Introduction to Law	3		I																									P				
44	Law of Intellectual property	3		P																									P				
45	Interior Design in Residential Space	3				P							M							M	M										P		
46	Interior Design in Commercial Space	3						M	P			M										P				M							
47	Interior Design in Service Space	3					M			M						P								M			M						
48	Environment and Human Beings	3				M																			M					M			
49	Marketing	3	M	M		M								M																	M		
50	Interior Design in Office Space	3										M				M	M				M								M				
51	Interior equipment Design	3		M									M							M			M										M
52	Elective Subject III (choose 1 of 2 courses) (1) Study of traditional Architecture - Interior	3								M									M		M			M						M			
	(2) Community experience design	3								M									M		M			M						M			
53	Interior Research	4			M				M													M				M					M		
54	Pre-graduation Project	4					M							M		M		M				M									M		
55	Graduation practical internship	4									M												M					M					M
56	Graduation Project	4							M						M			M									M		M			M	

29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: *(theo học kỳ)*		

HỌC KỲ 1 / SEMESTER 1			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLP10013	Triết học Mác - Lênin	3
2	71PETT10012	Giáo Dục Thể Chất (I)	
3	71ENG110013	Anh Văn (I)	3
4	71INFB10012	Tin học căn bản	2
5	71IIND30012	Nhập môn ngành nội thất	2
6	71PART20012	Cơ sở tạo hình Mỹ thuật	2
7	71SSK020003	Kỹ năng mềm	3
		Tổng/ Total	15

HỌC KỲ 2 / SEMESTER 2			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLE10022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
2	71PETT10012	Giáo Dục Thể Chất (II)	
3	71ENG210023	Anh Văn (II)	3
4	71FART20013	Trang trí cơ bản	3
5	71DRA120013	Hình hoạ (I)	3
6	71SCUL20012	Môn tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 môn): (1) Điêu khắc,	2
7	71MILL20012	(2) Diễn hoạ chất liệu marker/ màu nước…	
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 3 / SEMESTER 3			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71ENG310033	Anh Văn (III)	3
2	71NAD110013 71NAD210022	Giáo dục Quốc Phòng	

	71NAD310032 71NAD410044		
3	71DGA130012	Ứng dụng kỹ thuật số 1 (AutoCad 2D)	2
4	71FAID20013	Cơ sở bản vẽ và cấu tạo kiến trúc - nội thất	3
5	71MCRE20012	Phương pháp sáng tạo	2
6	71DRA220023	Hình hoạ (II)	3
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 4 / SEMESTER 4			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLS10032	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2
2	71ENG410043	Anh Văn (IV)	3
3	71DGA240022	Ứng dụng kỹ thuật số 2 (SketchUp)	2
4	71FOVC20012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
5	71ARDP30012	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	2
6	71FOID30012	Cơ sở ngành nội thất	2
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 5 / SEMESTER 5			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLH10042	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2
2	71ENG510053	Anh Văn (V)	3
3	71DGA340032	Ứng dụng kỹ thuật số 3 (3DMax)	2
4	71HOWA20012	Lịch sử Mỹ thuật Thế Giới	2
5	71PERP40012	Vẽ phối cảnh nội thất	2
6	71INDP30013	Nguyên lý thiết kế nội thất	3
		Tổng/ Total	14

HỌC KỲ 6 / SEMESTER 6

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	71ENG610063	Anh Văn (VI)	3
2	71HOVA20012	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2
3	71HOID40013	Lịch sử nội thất	3
4	71CONM40013	Khai triển bản vẽ kỹ thuật và vật liệu	3
5		Môn tự chọn II:	2
	71VRIN40012	(1) Công nghệ thực tế ảo (VR/ AR...)	
	71DGAP40012	(2) Ứng dụng kỹ thuật số (Photoshop/ ...)	
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 7 / SEMESTER 7			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLC10052	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
2	71ENG710073	Anh Văn (VII)	3
3	71TART20012	Nghệ Thuật học	2
4	71FUND40012	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất	2
5	71LIGH40013	TK Chiếu sáng nội thất	3
6	71ELEC40012	Đồ án chuyên ngành tự chọn (Giáo dục/ văn hoá/ triển lãm/ thư viện…)	2
		Tổng/ Total	14

HỌC KỲ 8 / SEMESTER 8			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71LAWG10012	Pháp Luật đại cương	2
2	71LAOC20012	Luật sở hữu trí tuệ	2
3	71REIN40013	Đồ án TKNT công trình Nhà ở (Căn hộ/ Penthouse/ Biệt thự...)	3
4	71COMI 40012	Đồ án TKNT công trình Thương mại (Cửa hàng/ showroom/ Coffee...)	2
5	71HOSD40013	Đồ án TKNT công trình Dịch vụ	3

		(Khách sạn, Resort, Nhà hàng, Spa...)	
		Tổng/ Total	12

HỌC KỲ 9 / SEMESTER 9			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71ENVH10012	Môi trường và Con người	2
2	71MARK20012	Marketing	2
3	71OFFI 40012	Đồ án TKNT Văn phòng	2
4	71FURN40013	Đồ án TK trang thiết bị nội thất (SV thực hành tại xưởng)	3
5		Môn học tự chọn III	3
6	71TRAN40013	(1) Nghiên cứu kiến trúc - nội thất truyền thống	
7	71PUBD40013	(2) Thiết kế trải nghiệm cộng đồng	
		Tổng/ Total	12

HỌC KỲ 10 / SEMESTER 10			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71THEM40012	Nghiên cứu chuyên đề nội thất	2
2	71REGR40013	Đồ án Tiền tốt nghiệp	3
		Tổng/ Total	5

HỌC KỲ 11 / SEMESTER 11			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71FIIN40013	Thực tập tốt nghiệp	3
		Tổng/ Total	3

HỌC KỲ 12 / SEMESTER 12			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71GRAD40018	ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	8

2			
		Tổng/ Total	8

29. Sample study plan (by semester)

HỌC KỲ 1 / SEMESTER 1			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLP10013	Philosophy of marxism– Leninism	3
2	71PETT10012	Physical Activity I	
3	71ENG110013	English (I)	3
4	71INFB10012	Basic Informatics	2
5	71IIND30012	Introduction interior design	2
6	71PART20012	Principles of Art	2
7	71SSK020003	Soft Skill	3
		Tổng/ Total	15

HỌC KỲ 2 / SEMESTER 2			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLE10022	Marxian Economics	2
2	71PETT10012	Physical Activity (II)	
3	71ENG210023	English (II)	3
4	71FART20013	Foundational Art	3
5	71DRA120013	Basic Drawing (I)	3
6	71SCUL20012	Marketing Elective I (choose 1 out of 2 subjects): (1) Sculpture,	2
7	71MILL20012	Material Illustration	
		Tổng/ Total	13
HỌC KỲ 3 / SEMESTER 3			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71ENG310033	English (III)	3
2	71NAD110013 71NAD210022	National Defense Education	

	71NAD310032 71NAD410044		
3	71DGA130012	Digital Application - AutoCad 2D	2
4	71FAID20013	Technical drawing & Architecture - Interior structure	3
5	71MCRE20012	Creative method creative method	2
6	71DRA220023	Basic Drawing (II)	3
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 4 / SEMESTER 4			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLS10032	Scientific Socialism	2
2	71ENG410043	English (IV)	3
3	71DGA240022	Digital Application 2 (SketchUp)	2
4	71FOVC20012	Fundamentals of Vietnamese Cultures	2
5	71ARDP30012	Architectural design principles	2
6	71FOID30012	Foundation of interior design	2
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 5 / SEMESTER 5			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71POLH10042	Ho Chi Minh Ideology	2
2	71ENG510053	English (V)	3
3	71DGA340032	Digital Application 3 (3DMax)	2
4	71HOWA20012	History of World Arts	2
5	71PERP40012	Perpestive	2
6	71INDP30013	Interior design principles	3
		Tổng/ Total	14

HỌC KỲ 6 / SEMESTER 6

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	71ENG610063	English (VI)	3
2	71HOVA20012	History of VN Arts	2
3	71HOID40013	History of interior design	3
4	71CONM40013	Construction Drawings and Material for interiors	3
5		Marketing Elective II:	2
	71VRIN40012	(1) Virtual Reality in interior design (VR/ AR...)	
	71DGAP40012	(2) Digital Application (Photoshop/ ...)	
		Tổng/ Total	13

HỌC KỲ 9 / SEMESTER 9			
STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	71ENVH10012	Environment and human	2
2	71MARK20012	Marketing	2
3	71OFFI 40012	Office interior design project	2
4	71FURN40013	Furniture design (Students practice at the factory)	3
5		Elective Subject III	3
6	71TRAN40013	(1) Tranditional architecture - interior researchs	
7	71PUBD40013	(2) Public designs	
		Tổng/ Total	12

HỌC KỲ 10 / SEMESTER 10			
STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	71THEM40012	Thematic research	2
2	71REGR40013	Pre-Graduation projrect	3
		Tổng/ Total	5

HỌC KỲ 11 / SEMESTER 11			
STT/	Mã môn học/	Tên môn học/	Số tín chỉ/

No.	Course number	Course title	Credits
1	71FIIN40013	Final Internship	3
		Tổng/ Total	3

HỌC KỲ 12 / SEMESTER 12			
STT/ No.	**Mã môn học/ Course number**	**Tên môn học/ Course title**	**Số tín chỉ/ Credits**
1	71GRAD40018	Graduation Project	8
2			
		Tổng/ Total	8

30 Lộ trình học tập: *(mối liên quan và thứ tự của các môn học)*

SƠ ĐỒ LỘ TRÌNH MÔN HỌC

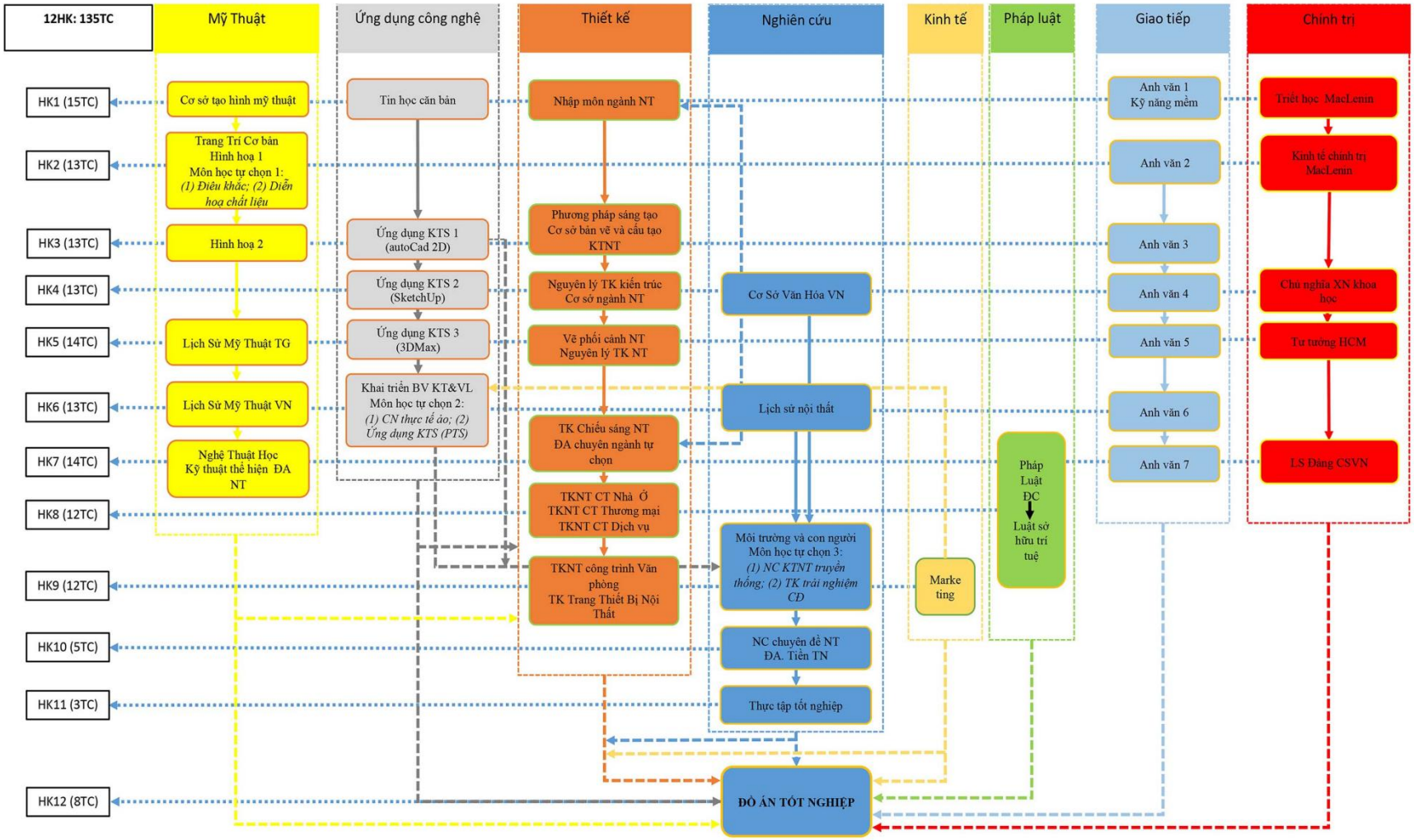

30 Curriculum learning roadmap: *(the relation and order of courses)*

Phần D. Điều kiện của chương trình			Section D. Learning environment and student support services		
31	Môi trường học tập của nhà trường và khoa: *(Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình; Danh sách các hoạt động thực tập, kiến tập, Co-op với doanh nghiệp,… của chương trình)*	- Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình: Các hoạt động trải nghiệm tham quan thực tế được tổ chức lồng ghép vào các giai đoạn học tập của sinh viên từ năm 1 đến năm 4. + Giai đoạn đầu nhằm giúp sinh viên làm quen với môi trường nghề nghiệp (kiến tập tại doanh nghiệp) để có định hướng nghề nghiệp và định hướng học tập rõ ràng hơn. + Giai đoạn hai, các hoạt động được lồng ghép vào môn học giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên ngành thành thạo hơn và bám sát thực tế doanh nghiệp. + Giai đoạn ba (thực tập tốt nghiệp), giúp sinh viên bắt đầu hoà nhập với môi trường làm việc thực tế, gia tăng kết nối, nuôi dưỡng đam mê nghề nghiệp. + Các xưởng thực hành mỹ thuật giúp sinh viên có không gian vẽ hình hoạ, vẽ tượng và người mẫu cho sinh viên cơ hội tiếp xúc với các thể loại hình hoạ, trang trí, in khắc gỗ... + Xưởng thực hành đồ gỗ nội thất cho sinh viên được tiếp xúc với quy trình sản xuất, các kỹ thuật lắp ghép sản phẩm và thực hiện thi công sản phẩm tỉ lệ 1:1 của đồ án môn học. + Các hoạt động trong sổ tay “HÀNH TRÌNH DẤU ẤN SINH VIÊN” khuyến khích sinh viên tham gia nhiều hơn các hoạt động ngoại khoá do khoa, trường và các đơn vị ngoài trường tổ chức. Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi, các hoạt động tình nguyện,….giúp các bạn mở rộng hiểu biết, tăng niềm đam mê với nghề. - Danh sách các hoạt động thực tập, kiến tập, Co-op với doanh nghiệp,… của chương trình): + Kiến tập tại showroom công cy Blum + Kiến tập showroom công ty gỗ An Cường. + Tham quan showroom vải công ty Acacia. + Tham quan trung tâm vật liệu và chiếu sáng nội thất tại C-Space. + Môn học Thực tập tốt nghiệp với thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài từ 10 – 12 tuần.	31	Learning environment: *(List of experimental fields, labs, university enterprises that the program utilizes; List of field trips and internships, Co-op program, etc. of the program)*	- List of experimental fields, labs that the program utilizes, list of university enterprises related to the program: Field trips are organized and integrated into students' learning stages from year 1 to year 4. + The first stage is to help students familiarize themselves with the professional environment (internship at an enterprise) to have a clearer career and study orientation. + In the second phase, activities are integrated into the subject to help students practice specialized skills more proficiently and stick to the reality of business. + Phase three (graduation internship) helps students begin to integrate into the natural working environment, increase connections, and nurture career passion. + Fine art workshops give students a space for drawing pictures, statues, and models, allowing students to interact with various genres of painting, decoration, woodblock printing, etc. + Furniture practice warehouse for students to be exposed to the production process, product assembly techniques, and product implementation in the 1:1 scale of the subject project. + The activities in the handbook "STUDENT'S JOURNEY" encourage students to participate more in extra-curricular activities organized by the faculty, school, and off-campus units. Encourage students to participate in competitions, volunteer activities, etc., to help them expand their understanding and increase their passion for the profession. - List of field trips and internships, Co-op program, etc. of the program: + Internship at Blum company showroom + Build a showroom for An Cuong wood company. + Visiting the fabric showroom of Acacia company.

32	Hệ thống hỗ trợ sinh viên:	- Đào tạo: Phòng Đào tạo; Phòng Công nghệ thông tin; Trung tâm Khảo thí; Phòng Cơ sở vật chất; Trung tâm phát triển năng lực học tập, nghề nghiệp, khởi nghiệp, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm; Phòng Giám thị, thanh tra, giám sát; Phòng Hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học - Hỗ trợ về tài chính và học bổng: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, phòng Kế toán - Tư vấn việc làm và khởi nghiệp: Trung tâm phát triển năng lực học tập, nghề nghiệp, khởi nghiệp, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên - Hỗ trợ về chỗ ở: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên - Dạy kèm, tư vấn học thuật: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên; Phòng Đào tạo; Trung tâm phát triển năng lực học tập, nghề nghiệp, khởi nghiệp, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm - Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giải trí, thể thao: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên - Chăm sóc sức khỏe và đời sống: Phòng Hành chính và Quản trị nguồn nhân lực, Phòng Tham vấn tâm lý, Trung tâm Y tế - Các dịch vụ thư viện: Thư viện, Phòng Công nghệ thông tin - Các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên quốc tế: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên quốc tế - Các dịch vụ đảm bảo chất lượng bên trong: Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo	32	Support for students and their learning: *(academic support, pastoral support, and other services)*	- Academic: Department of Academic Affairs; Center for Information Technology; Center for Testing; Department of Facility Management; Industry Relations, Academic, and Career Development Center; Department of Proctors - Inspectors - Supervisors; Department of International Cooperation & Scientific Research - Financial and scholarship: Student Affairs Department; Finance - Accounting department - Career, employment and start-up: Industry Relations, Academic, and Career Development Center; Student Affairs Department - Housing: Student Affairs Department - Mentoring and counselling: Student Affairs Department; Department of Academic Affairs; Career, employment and start-up: Industry Relations, Academic, and Career Development Center; - Recreation and sports: Student Affairs Department - Medical care and wellness: Department of Administration & Human Resource Management; Department of Psychological Consultancy, Medical Clinic - Library services: The Library; Center for Information Technology - International student support: International Student Support Center - Internal quality assurance: Department of Quality Assurance

33	Các câu lạc bộ sinh viên và các hoạt động ngoại khoá dành cho sinh viên:	- Các câu lạc bộ sinh viên cấp trường: + Câu lạc bộ Art Zone + Câu lạc bộ kỹ năng Balô xanh + Câu lạc bộ bóng chuyền + Câu lạc bộ bóng đá + Câu lạc bộ bóng rổ + Câu lạc bộ cờ + Câu lạc bộ Guitar + Câu lạc bộ Street Workout + Câu lạc bộ CDS Crew + Câu lạc bộ MC Văn Lang + Câu lạc bộ Taekwondo + Câu lạc bộ Cinewsmic + Câu lạc bộ truyền thông S.E.M + Câu lạc bộ nhiếp ảnh + Câu lạc bộ cầu lông + Van Lang Hospitality Team – Đội Lễ tân + Câu lạc bộ Khiêu Vũ Nghệ Thuật + Câu lạc bộ Van Lang Flaming Soul + Câu lạc bộ Người Mẫu – Van Lang Models Club + Câu lạc bộ Kịch nói – Van Lang Play Club + Câu lạc bộ Nhạc cụ dân tộc – Van Lang Traditional Musical Instrument Club + Câu lạc bộ Xếp giấy nghệ thuật – Van Lang Origami Club + Câu lạc bộ Van Lang Rubik + Câu lạc bộ Rap Music – Van Lang Rap Music Club + Van Lang Supporter Team – Đội Cổ động + Truyện tranh Nhật Bản – Van Lang Manga Club + Van Lang Graffiti Club – CLB Tranh Phun sơn đường phố + Nhảy cổ động – Van Lang Cheerleading Club + Câu lạc bộ Võ thuật Karate – Van Lang Karate Club + Câu lạc bộ Võ thuật Judo – Van Lang Judo Club + Câu lạc bộ Đấm bốc – Van Lang Boxing Club + Câu lạc bộ Bóng bàn – Van Lang Table Tennis Club + Câu lạc bộ Võ thuật Vovinam – Van Lang Vovinam Club + Van Lang Running Club – Câu lạc bộ Chạy Việt dã + Câu lạc bộ Võ cổ truyền – Van Lang Traditional Kung Fu Club	33	Student clubs and extracurricular activities available to students:	- Student clubs at university level: + Art Zone club + Blue Backpack skills club + Volleyball club + Football club + Basketball club + Chess Club + Guitar Club + Street Workout club + CDS Crew club + Van Lang MC club + Taekwondo club + Cinewsmic club + S.E.M club + Photography club + Badminton club + Van Lang Hospitality Team + Dance Art club + Van Lang Flaming Soul club + Van Lang Models club + Van Lang Play club + Van Lang Traditional Musical Instrument club + Van Lang Origami club + Van Lang Rubik's club + Van Lang Rap Music club + Van Lang Supporter Team + Van Lang Manga club + Van Lang Graffiti club + Van Lang Cheerleading club + Van Lang Karate club + Van Lang Judo club + Van Lang Boxing club + Van Lang Table Tennis club + Van Lang Vovinam club + Cross Country Running club + Van Lang Traditional Kung Fu club + Van Lang Aikido club + Van Lang Futsal club + Van Lang Freestyle Football club + Van Lang E-sport club

Danh sách các hoạt động ngoại khóa của trường và khoa:

Các hoạt động trải nghiệm được tổ chức lồng ghép vào các giai đoạn học tập của sinh viên khuyến khích sinh viên tham gia nhiều hơn các hoạt động ngoại khoá do khoa và trường tổ chức:

+ Các chương trình tập huấn: Cán bộ Đoàn - Hội, Lớp học lý thuyết giấy phép lái xe moto hạng A1.

+ Các talkshow và workshop: Workshop "Free cutting by Jullian Robert", Workshop kỹ thuật nhuộm Shibory truyền thống của Nhật Bản: LET IT DYE, Workshop tạo file và thực hành máy thêu vi tính cho Sinh viên Thời trang do Công Ty TNHH Brother Việt Nam tài trợ, Workshop: Destroy to Reborn, Talkshow Hành trình khám phá bản thân, Workshop REJOIN, Fashion Career Talk, "Innovation in Fashion and Art - Đổi mới trong thời trang và mỹ thuật", Talkshow: Trải nghiệm cá nhân và quá trình thực hiện bộ ảnh thời trang, Workshop TR Cutting của Singo Sato và Magic Pattern của Tomoko Nakamichi, Workshop: Phương pháp xác định phong cách trang phục cá nhân, Talkshow: Thời trang bền vững với Greenyarn, Workshop: Nhuộm tự nhiên.

+ Các ngày hội thể thao cho sinh viên: Hội thao sinh viên cấp trường năm 2018, Hội thao sinh viên cấp trường năm 2019, Hội thao sinh viên cấp trường năm 2020, Livestream "VanLang Sports", Giải Việt dã Sinh viên Tp.HCM lần X năm 2019, Giải Thể Thao Chào Đón Tân Sinh Viên.

+ Các chương trình dành cho sinh viên cấp trường: Ngày hội Vui Tết xa nhà 2018, Chuỗi hoạt động chương trình văn nghệ chào mừng Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11, Ngày hội Hoà Sắc, Phát động chương trình "Văn Lang sẵn sàng đồng hành cùng bạn", Chương trình "Vui tết xa nhà" - năm 2020, , Livestream "Câu chuyện tháng 3", Livestream "Tâm lý sinh viên thời online", Livestream cùng Cựu sinh viên với chủ đề "Thời trước tám thời nay", Chương trình Giao lưu Văn hoá Văn nghệ và mừng Tết cổ truyền Lào – Campuchia 2021, Đêm nhạc 20 năm nhớ Trịnh Công Sơn - Những sớm mai Việt Nam tại Đại học Văn Lang, Ngày hội Club's Day với chu đề “Sắc màu Văn Lang”, "Ngày Hội Cán Bộ Đoàn - Hội" Trường Đại học Văn Lang năm 2021, Chiến Dịch Xuân Tình Nguyện Năm 2022, Xuân Yêu Thương - Xuân Không Chỉ Để Quây Quần Bên Gia Đình

+ Các chương trình thời trang dành cho sinh viên: 11 A.M Show, Show tốt nghiệp K20 Thời trang, 11 A.M Show: Hướng đến kỷ niệm 25 năm thành lập Trường Đại học Văn Lang, Triển lãm, trình diễn bộ sưu tập tốt nghiệp khoá K21 Thời trang, , Graduation show, Triển lãm: Tranh vải K26, Triển lãm Vật liệu may giúp sinh viên bắt đầu hoà nhập với môi trường làm việc thực tế, gia tăng kết nối, nuôi dưỡng đam mê nghề nghiệp.

Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện,….giúp các bạn mở rộng hiểu biết, tăng lòng yêu thương giữa con người với con người:

+ Các chương trình tình nguyện chung tay vì cộng đồng: Hiến máu tình nguyện, Chiến dịch mùa hè xanh 2018, Hội trại truyền thống Nối vòng tay lớn, Ngày hội Sinh viên Văn Lang năm 2018 - Phát động quyên góp "Quỹ gia đình Văn Lang", "Tặng sách đồng môn" và "Hội chợ đồ cũ", Chiến dịch Xuân Tình nguyện năm 2019, Phát động Chung tay vì cộng đồng năm 2019, Ngày hội Sinh viên Văn Lang năm 2019 - Phát động quyên góp "Quỹ gia đình Văn Lang", "Tặng sách đồng môn" và "Hội chợ đồ cũ", Dự án tô màu giấc mơ: Nối rộng vòng tay, thêm yêu thương đong đầy.

+ Các cuộc thi sinh viên Văn Lang: Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin cấp trường, Cuộc thi "You're Van Lang Singer", Cuộc thi "Chiến sĩ diệt Corona", Giải cờ vua, cờ tướng sinh viên học sinh TP. HCM tranh cúp Đại học Văn Lang lần V năm 2021, Miss & Mister Văn Lang 2020, Cuộc thi ảnh "Sắc xanh tuổi trẻ" kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh,

+ Exh 6.15. List of extracurricular activities of the school and faculty:

Experiential activities are integrated into the student's learning stages to encourage students to participate more in extra-curricular activities organized by the faculty and the school:

+ Training programs: Union - Association officials, A1 motorcycle license theory class.

+ Talkshows and workshops: Workshop "Free cutting by Jullian Robert," Workshop on traditional Japanese Shibori dyeing techniques: LET IT DYE, Workshop on creating files and practicing computer embroidery machines for Fashion Students by Brother Co., Ltd. Sponsored by Vietnam, Workshop: Destroy to Reborn, Talkshow Journey of Self-Discovery, Workshop REJOIN, Fashion Career Talk, "Innovation in Fashion and Art - Innovation in Fashion and Fine Arts," Talkshow: Personal Experience and fashion photography process, Workshop TR Cutting by Singo Sato and Magic Pattern by Tomoko Nakamichi, Workshop: Methods for determining personal clothing style, Talkshow: Sustainable fashion with Greenyarn, Workshop: Natural dyeing.

+ Sports festivals for students: School-level Student Sports Festival in 2018, School-level Student Sports Festival in 2019, School-level Student Sports Festival in 2020, Livestream "VanLang Sports," City Student Tournament. Ho Chi Minh City for the 10th time in 2019, the New Student Welcome Sports Award.

+ Programs for school-level students: Happy New Year away from home 2018, a series of cultural activities to celebrate Vietnam Teachers' Day on November 20, Hoa Sac Festival, Launch of the program "Van Lang ready to accompany you," "Happy New Year away from home" - 2020, Livestream "March story," Livestream "Student psychology online," Livestream with Alumni with the topic "Before eight years" Today", Cultural Exchange Program and Celebrate Lao-Cambodia Traditional New Year 2021, Music Night of 20 Years in Memory of Trinh Cong Son - Vietnamese Mornings at Van Lang University, Club's Day with the theme " Colors of Van Lang", "Day of Youth Union - Association" of Van Lang University in 2021, Spring Volunteer Campaign in 2022, Spring of Love - Spring is not just for gathering with family

+ Fashion shows for students: 11 A.M Show, K20 Graduation Show Fashion, 11 A.M Show: Towards the 25th anniversary of Van Lang University's establishment, Exhibition, graduation collection show Course K21 Fashion, Graduation show, Exhibition: K26 Fabric Painting, Garment Materials Exhibition helps students start integrating into the real working environment, increase connections, nurture career passion.

Encourage students to participate in volunteering activities, etc., to help them expand their understanding and increase the love between people:

+ Volunteer programs to join hands for the community: Voluntary blood donation, Green Summer Campaign 2018, Traditional Camp Connecting Big Arms, Van Lang Student Festival 2018 - Launching donation "Family Fund" Van Lang," "Gifting peer-to-peer books" and "Second-hand goods fair," Spring Volunteer Campaign 2019, Launching Hands for the Community in 2019, Van Lang Student Festival 2019 - Donating Campaign " Van Lang family fund," "Giving books to fellow subjects" and "Second-hand goods fair," Dream coloring project: Extend your arms, add more love.

+ Student competitions Van Lang: School-level Marxist-Leninist Olympiad, "You are Van Lang Singer" contest, "Soldier to kill Corona" contest, Chess prize, student chess City students. Ho Chi Minh City competed for the 5th Van Lang University Cup in 2021, Miss & Mister Van Lang 2020, Photo contest "Green color of youth" to celebrate the 91st anniversary of the founding of the Ho Chi Minh Communist Youth Union,
+ Exh 6.16. Danh sách các cuộc thi dành cho sinh viên:
Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi do các đơn vị ngoài trường tổ chức giúp sinh viên có sự tham gia chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, sự hỗ trợ về tài nguyên học tập từ các doanh nghiệp.
+ Cuộc thi Sinh Viên Văn Lang Đạt Giải Ba Cuộc Thi Nói Tiếng Hàn Cúp Đại Sứ Toàn Miền Nam
+ Các cuộc thi thiết kế sáng tạo:
Cuộc thi thiết kế đồ gỗ nội thất Hoa Mai, Cuộc Thi Nhà Thiết Kế Trẻ Châu Á (AYDA), Vietnam design week 2021, Loa Thành 2021, Khởi Nghiệp - "ra Khơi" 2022, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên ngành thành thạo hơn và cảm nhận thị trường thực tế trong nước và thế giới.
+ Các cuộc thi thể thao: Vietnam University Games 2018, Giải đấu Hutech Open Futsal 2018, Giải Cầu Lông RMIT Mở Rộng, Giải Bóng Chuyền STU Mở Rộng, Giải Futsal HD Bank Sinh viên đồng hành TP. HCM 2020, Giải Taekwondo Đối Kháng Nam Cúp Đại Sứ Hàn Quốc 2022, Giải Cờ Vua Toàn Thành giúp sinh viên mở rộng quan hệ thực tế và trang bị cho bản thân một sức khoẻ tốt để học tập và thực hành.

+ Exh 6.16. List of contests for students:
Encourage students to participate in competitions organized by units outside the school to help students share knowledge and experience, and support learning resources from businesses.
+ Student Contest Van Lang won the third prize in the Korean Speaking Contest, the All South Ambassador Cup
+ Creative design contests:
Hoa Mai furniture design contest, Young Asian Designers Competition (AYDA), Vietnam design week 2021, Loa Thanh 2021, Start-up - "going out" 2022, helping students practice professional skills industry more proficient and feel the actual market in the country and the world.
+ Sports competitions: Vietnam University Games 2018, Hutech Open Futsal Tournament 2018, RMIT Open Badminton Tournament, STU Open Volleyball Tournament, HD Bank Futsal Tournament. Ho Chi Minh City 2020, Taekwondo Competition South Korean Ambassador Cup 2022, Toan Thanh Chess Championship helps students expand their valuable relationships and equip themselves with good health to study and practice.

Phần E. Điều chỉnh và cập nhật			Section E. Approval, publication and update		
34	Ngày ban hành bản đặc tả chương trình:	03/08/2021 (theo QĐ)	34	This program specification was published on:	??/??/20??
35	Ngày cập nhật cuối cùng:	??/??/20?? (kiểm tra lại thông tin thời gian chính xác)	35	This program specification was last updated on:	??/??/20??

Phụ lục I. Mô tả tóm tắt của các môn học	Appendix I: Course description
Mô tả tóm tắt những chủ đề kiến thức và/hay các nhóm kỹ năng chính được giảng dạy trong môn học, thời lượng và phân bổ giữa lý thuyết và thực hành/bài tập/project…	Brief description of main topics and/or skill groups taught in the courses, the duration and distribution between theory and practice/exercise/project/etc.
Triết học Mác - Lênin: Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung môn học gồm có 3 chương, giải thích về những vấn đề chung liên quan tới sự tồn tại, phát triển của thế giới nói chung, của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người nói riêng, nó trang bị thế giới quan đúng đắn, nhân sinh quan tích cực, cũng như phương pháp luận biện chứng, khoa học cho người học, nhằm giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Môn học còn là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các môn Lý luận chính trị, cũng như các môn khoa học khác.	**Marxism-Leninism:** Marxism-Leninism is one of the three components of Marxism-Leninism. The course consists of 3 chapters, explaining general issues related to the existence and development of the world and the existence and development of human society in particular. It equips the world with the correct perspective and positive outlook on life, as well as a dialectical and scientific methodology for learners to solve problems arising in practice. The subject is also a basis for students to absorb political theory and other science subjects well.
Kinh tế chính trị Mác Lê Nin: Nội dung học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương I giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương II, III, IV tập trung nghiên cứu những lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do canh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương V,VI trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt nam	**Marxist-Leninist Political Economy:** The course content is structured into 6 chapters. Chapter I introduces the subject, research methods, and functions of the subject; Chapters II, III, and IV focus on studying the theories of labor value, the production process of surplus value in the period of free-competitive capitalism, the period of monopoly and state monopoly; Chapters V, VI present socialist-oriented market economy in Vietnam, perspectives and solutions on industrialization, modernization and international economic integration of Vietnam.
Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương trình bày quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên vận dụng phân tích những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát	**Scientific Socialism:** The course consists of 7 chapters presenting the inevitable laws of the birth of the communist socio-economic form; socio-political issues of regularity in the process of socialist revolution. Based on their knowledge of the subject, students apply and analyze socio-political issues of the process of arising, formation, and development of the communist socio-economic form and

triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng và thái độ đúng đắn, khách quan về học phần nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.	the path to follow. To socialism in our country today. Thereby educating students on scientific beliefs, political stances, correct and objective ideas, and attitudes about the course and the ideological foundation of the Communist Party of Vietnam.
Tư Tưởng Hồ Chí Minh: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng cơ bản của Người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Môn học còn rèn luyện ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn	**Ho Chi Minh Thought:** The course consists of 6 chapters, providing students with basic knowledge about concepts, objects, research methods, and the meaning of studying Ho Chi Minh Thought; on the basis and process of formation and development of Ho Chi Minh's thought and his fundamental ideas on national independence and socialism, the Communist Party of Vietnam, building the state of the people, people, for the people, about great national unity and international solidarity, about culture, morality and building a new man. The course also trains the will and action to strive for the revolutionary goals and ideals that Ho Chi Minh, the Communist Party of Vietnam, and our people have chosen.
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Học phần gồm 4 chương, trình bày về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), về kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện thống nhất đất nước (1945 – 1975), về đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Môn học còn định hướng lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong lịch sử dân tộc.	**History of the Communist Party of Vietnam:** The course consists of 4 chapters, presenting the birth of the Communist Party of Vietnam, the process by which the Party led the people to struggle for power (1930 - 1945), and the anti-colonial resistance war. French people, American imperialists invaded, carried out the unification of the country (1945 - 1975), on the Party's line in the process of leading the country in transition to socialism and carrying out the renovation (1975 - 1975). 2018). The course also orients a firm ideological and political stance and builds confidence in the Party's revolutionary leadership in the nation's history.
Giáo Dục Thể Chất (I): Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.	**Physical Education (I):** Students are selected to study 2 out of 14 modules: Swimming, Table Tennis, Volleyball, Futsal, Basketball, Badminton, Chess, Fitness, Dance, Sport Climbing, Tennis, Martial Arts, Hatha Yoga, and Golf. Modules provide students with knowledge, skills, and practice about the history of development, training benefits, training purposes, Techniques, and tactics; Competition Rules; The method of organizing the competition and the referee; Troubleshooting methods in exceptional cases.
Giáo Dục Thể Chất (II): Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành	**Physical Education (II**): Students are selected to study 2 out of 14 modules: Swimming, Table Tennis, Volleyball, Futsal, Basketball, Badminton, Chess, Fitness, Dance, Sport Climbing, Tennis , Martial arts, Hatha Yoga, Golf. Modules provide students with knowledge, skills and practice about the history

về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.	of development, training benefits and training purposes; Techniques and tactics; Competition Rules; The method of organizing the competition and the referee; Troubleshooting methods in special cases.
Giáo dục quốc phòng: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập trung vào các nội dung: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh, tập trung vào các nội dung: Hiểu được những nội dung chính về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, trong nhà trường.	National defense education: The line of defense and security of the Communist Party of Vietnam, focusing on the following contents: Building an all-people national defense and people's security; building a national defense posture of the whole people associated with the posture of people's security, building the people's armed forces and military art of Vietnam; National defense and security work, focusing on the following contents: Understanding the main contents of building militia and self-defense forces, reserve mobilization forces; plots and tricks of "peaceful evolution," riots and overthrows of forces hostile to the Vietnamese revolution; fundamental issues of national security protection and assurance of social order and safety in schools.
Kỹ năng nghề nghiệp: Môn học này cung cấp cho sinh viên những công cụ để khám phá và thấu hiểu bản thân, từ đó xác định mục tiêu phát triển bản thân và mục tiêu nghề nghiệp hợp lý. Sinh viên sẽ được hướng dẫn những kỹ năng tìm hiểu thị trường lao động, tìm kiếm thông tin tuyển dụng, trình bày CV và cover letter ấn tượng, kỹ năng trả lời phỏng vấn. Qua đó, giúp sinh viên tự tin và nâng cao tỷ lệ ứng tuyển việc làm thành công cũng như phát triển sự nghiệp theo ý muốn.	**Career skills:** This subject provides students with tools to discover and understand themselves, thereby determining personal development goals and reasonable career goals. Students will be guided in researching the labor market, searching for recruitment information, presenting an impressive CV and cover letter, and interviewing skills. Thereby helping students gain confidence and improve the rate of successful job applications and career development as desired.
Kỹ năng quản lý thời gian: Môn học này cung cấp cho sinh viên những công cụ để phân tích việc sử dụng thời gian của bản thân, biết cách sắp xếp thứ tự ưu tiên cho công việc, biết cách thiết lập mục tiêu, kế hoạch làm việc để tối ưu hóa việc sử dụng thời gian của mình. Sinh viên biết được những thói quen gây lãng phí thời gian và cách thức để tạo ra hiệu quả tối đa trong công việc. Qua đó, giúp sinh viên chủ động, có trách nhiệm với bản thân và công việc.	**Time management skills:** This subject provides students with the tools to analyze their time usage, know how to prioritize work, know how to set goals, and plan Work plan to optimize the use of their time. Students learn about time-wasting habits and how to maximize efficiency at work. Thereby helping students to be proactive and responsible for themselves and their work.
Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thấu hiểu bản thân và nhận diện được đối tượng giao tiếp để có cách giao tiếp phù hợp. Sinh viên sẽ được học về những kỹ năng cơ bản liên quan đến giao tiếp như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề để ứng dụng trong các tình huống cụ thể. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp kiến thức về tư duy đa chiều để SV ứng dụng hiệu quả hơn trong giao tiếp, giải quyết vấn đề.	**Practical communication skills:** This subject provides students with basic knowledge of communication skills, self-understanding, and identifying the object of communication to have an appropriate way of communication. Students will learn about basic skills related to communication, such as presentation, teamwork, and problem-solving skills, to apply in specific situations. In addition, this subject also provides knowledge about multi-dimensional thinking for students to apply more effectively in communication and problem-solving.

Phương pháp học đại học: Môn học này cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát về các lý thuyết học tập, hiểu được bản chất của việc học, những năng lực học tập bậc cao phù hợp với bậc Đại học. Sinh viên sẽ được học về những kỹ năng cần thiết để có thể tự chủ trong học tập như phương pháp tra tìm thông tin, nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc và phản hồi thông tin. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp những kiến thức có ích khác cho cuộc sống sinh viên như lập kế hoạch cho sự tiến bộ của bản thân nhằm giúp sinh viên thich nghi tốt nhất với môi trường học tập ở bậc Đại học và hướng tới tinh thần học tập suốt đời.	**University study method:** This subject provides students with general knowledge of learning theories, an understanding of the nature of learning, and higher learning competencies suitable for the university level. Students will learn the necessary skills to be autonomous in learning, such as searching for information, listening to lectures and taking notes in class, and reading and responding to information. In addition, this subject also provides other helpful knowledge for student life, such as planning for their progress to help students best adapt to the university learning environment and guide them to the next level to the spirit of lifelong learning.
Tin Học Căn Bản: Môn học bao gồm 6 modules Module 1: Khái niệm CNTT cơ bản, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và pháp luật trong sử dụng CNTT Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản. Module 3: Soạn thảo văn bảnvới phần mềm Microsoft Word. Module 4: Xử lý bảng tính với phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng để giải quyết các bài toán và tình huống thực tế. Module 5: Sử dụng trình chiếu cơ bản xây dựng các bản trình chiếu thuyết trình với các kỹ thuật cơ bản và nâng cao với Microsoft PowerPoint. Module 6: Internet cơ bản. Tìm kiếm thông tin, sử dụng hộp thư điện tử. Hình thành các thói quen bảo mật thông tin an toàn cho người dùng.	**Basic Informatics:** The course comprises six modules Module 1: Basic IT concepts, occupational safety, and environmental protection in Information and Communication Technology. Issues related to information security and law in IT Module 2: Using a basic calculator. Module 3: Editing documents with Microsoft Word software. Module 4: Processing spreadsheets with Microsoft Excel software. Use to solve real-life problems and situations. Module 5: Use the introductory slide show to build presentations with basic and advanced techniques with Microsoft PowerPoint. Module 6: Basic Internet. Search for information, and use email. They are forming safe information security habits for users.
Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam: Ngoài phần Giới thiệu môn học, nội dung chính bao gồm 5 chương. Chương 1: Định vị văn hoá Việt Nam. Chương 2: Văn hoá nhận thức. Chương 3: Văn hoá tổ chức đời sống tập thể. Chương 4: Các bình diện văn hoá tinh thần và văn hóa vật chất. Chương 5: Giao lưu và tiếp biến văn hoá. Nhằm cung trang bị khái luận chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, những tri thức khái quát về hệ thống văn hóa Việt Nam: không gian văn hóa, tiến trình văn hóa, chủ thể văn hoá, văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, giao lưu tiếp biến văn hóa. Môn học hướng sinh viên ý thức và trân trọng những giá trị của văn hóa trong đời sống xã hội, hình thành ý thức về chấp nhận và tôn trọng sự tương đồng và khác biệt trong văn hóa và kỹ năng mềm làm việc nhóm, làm việc cá nhân, thuyết trình và tư duy, thái độ nghiêm túc trong quá trình	**Vietnam Cultural Foundation:** In addition to the Introduction of the subject, the main content includes five chapters. Chapter 1: Positioning Vietnamese culture. Chapter 2: Cognitive culture. Chapter 3: Culture organizes communal life. Chapter 4: The aspects of spiritual culture and material culture. Chapter 5: Cultural exchange and acculturation. In order to provide a general overview of Vietnamese culture and culture, general knowledge about the Vietnamese cultural system: cultural space, cultural process, cultural subject, material culture, intangible culture, and intercultural exchange. The subject teaches students to be aware of and appreciate the values of the culture in social life, to form a sense of acceptance and respect for similarities and differences in culture, and to develop soft skills for teamwork, personal work, presentation and thinking, serious attitude in the process of studying and researching.

học tập nghiên cứu.	
Pháp luật Đại cương: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật. Cụ thể, học phần Pháp luật đại cương trình bày các vấn đề sau đây: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính và Tố tụng hành chính; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự Việt Nam; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Luật Lao động và Luật An sinh xã hội Việt Nam; Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; Luật Đất đai Việt Nam; Luật Phòng, chống tham nhũng Việt Nam và Luật Quốc tế.	**General Law:** This module equips students with basic knowledge of State and law. Specifically, the General Law module presents the following issues: • Fundamental issues of the State • Basic legal issues • Law on the Constitution of Vietnam • Administrative Law and Administrative Procedures • Criminal Law and Criminal Procedure of Vietnam • Civil Law and Civil Procedure • Law on Marriage and Family of Vietnam • Law on Labor and Law on Social Security of Vietnam • Enterprise Law, Commercial Law, and dispute settlement in commercial business • Land Law of Vietnam • Law on Anti-Corruption of Vietnam and International Law
Anh Văn 1: Môn học cung cấp kiến thức và kĩ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A1 bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: nghề nghiệp, chụp ảnh, du lịch, và thành phố; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kĩ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn với cấu trúc đơn giản; Phát triển các kĩ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.	English Language 1: The subject provides knowledge and skills in academic English at A1 level, including basic English vocabulary and grammar points related to topics: careers, photography, travel calendar, and city; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, speeches, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write a short paragraph with a simple structure; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem-solving, reading and document analysis.
Anh Văn 2: Môn học cung cấp kiến thức và kĩ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A2 - bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: khó khăn và kết quả, bảo vệ môi trường, phát minh khoa học, lịch sử, khám phá vũ trụ, thành tựu khoa học; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội	English Language 2: The subject provides knowledge and skills in Academic English at the A2 level - including beginner English vocabulary and grammar points related to the following topics: difficulties and outcomes, environmental protection, scientific inventions, history, space exploration, scientific achievements; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, speeches, practice

thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.	conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write a short paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem-solving, reading and document analysis.
Anh văn 3: Môn học cung cấp kiến thức và kĩ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Sơ cấp A2+ bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh hậu sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: Nghề nghiệp, cảm xúc, thời tiết, marketing, thức ăn; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kĩ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính học thuật; Phát triển các kĩ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.	English 3: The subject provides knowledge and skills in academic English at the Beginner A2+ level, including Post-beginner English vocabulary and grammar points related to the following topics: Occupation, feeling contact, weather, marketing, food; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, speeches, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write a short academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem-solving, reading and document analysis.
Anh văn 4: Môn học cung cấp kiến thức và kĩ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1 bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: tương lai, khám phá vũ trụ. âm nhạc - nghệ thuật, tự nhiên, sức mạnh của hình ảnh, phương pháp giao tiếp; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kĩ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn mang tính chất học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.	English 4: The subject provides knowledge and skills in Academic English at Intermediate level B1, including intermediate English vocabulary and grammar points related to topics: the future, discovery The universe. Music - art, nature, the power of images, methods of communication; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, speeches, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write an academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem-solving, reading and document analysis.
Anh văn 5: Môn học cung cấp kiến thức và kĩ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1+ bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: Hạnh phúc, sức khoẻ, công nghệ, văn hoá - truyền thống, bảo vệ nguồn nước, trí nhớ và học tập, bộ não con người; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập	English 5: The subject provides academic English knowledge and skills at the Intermediate level B1+, including Intermediate English vocabulary and grammar points related to the following topics: Happiness, health, technology, culture - tradition, water protection, memory and learning, human brain; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading -

các kĩ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn mang tính chất học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.	writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, speeches, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write an academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem-solving, reading and document analysis.
Anh văn 6: Môn học cung cấp kiến thức và kĩ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ tiền trung cao cấp B2- bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh tiền trung cao cấp, liên quan đến các chủ đề: Thức ăn, thảm họa tự nhiên, kỳ quan nhân tạo, thích nghi tự nhiên, con người và tự nhiên, công việc trong tương lai, phương pháp giao tiếp; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn mang tính chất học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.	English 6: The subject provides knowledge and skills in academic English at the pre-intermediate level B2- including pre-intermediate English vocabulary and grammar points related to the following topics: Food, natural disasters, manufactured wonders, natural adaptations, people and nature, future work, communication methods; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, speeches, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write an academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem-solving, reading and document analysis.
Anh văn 7: Chương trình học phần Anh Văn Tiêu Chuẩn được xây dựng nhằm mở rộng những kiến thức Tiếng Anh tổng quát; một số kiến thức về Tiếng Anh học thuật, nâng cao bốn kĩ năng Tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên; bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, các kỹ năng thế kỉ 21 (sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng hợp tác, khả năng giao tiếp, và khả năng làm việc nhóm) nhằm giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	**English 7:** The Standard English curriculum is designed to expand general English knowledge; some knowledge of academic English, improve the four English skills (listening, speaking, reading, writing) for students; foster self-study habits, 21st-century skills (creativity, critical thinking, collaboration, communication, and teamwork) to help students understand and apply lifelong learning methods.
Cơ Sở Tạo Hình Mỹ Thuật: Giới thiệu môn học, phân biệt MTCN và MTTH, cấu trúc thị giác, các định luật thị giác, các phương tiện tạo hình, các dạng bố cục cơ bản, Lý thuyết và thực hành cơ bản về màu sắc, vòng thuần sắc, các nguyên lý tạo hình cơ bản.	Foundations of Fine Art: Introduction to the subject, distinguishing between natural and mathematical models, visual structures, laws of vision, means of shaping, basic layout types, basic theory and practice of visual arts, such as color, pure color ring, basic shaping principles.
Trang Trí cơ bản: Màu sắc nâng cao, Nghiên cứu tả thực, cách điệu hoa lá, côn trùng động vật, các kỹ thuật tạo hình, xây dựng bố cục trang trí,	Basic Decoration: Advanced colors, Realistic studies, stylization of flowers, insects, and animals, shaping techniques, building decorative layouts, and

phối màu sắc nâng cao.	advanced color schemes.
Hình hoạ 1: Giới thiệu môn học, các khái niệm liên quan, luật xa gần, bố cục hình hoạ, phương pháp vẽ hình hoạ, ký hoạ, thực hành vẽ chì các khối cơ bản, khối biến dạng, tĩnh vật.	**Figure 1:** Introduction to the subject, related concepts, near and far law, graphic layout, drawing methods, sketching, practice drawing basic blocks, deformed blocks, still lifes.
Hình hoạ 2: Cấu trúc, tỷ lệ cơ thể người. dựng hình, phân tích khối trên tượng bán thân và toàn thân, chất liệu chì.	Figure 2: Structure and proportions of the human body. Modeling, mass analysis on the bust and entire body, lead material.
Lịch Sử Mỹ Thuật Thế giới: Lịch sử mỹ thuật Thế giới bao gồm các nội dung: 1.Trình bày khái lược về một số khái niệm, ngôn ngữ các loại hình nghệ thuật tạo hình (Kiến trúc, hội họa, điêu khắc, Đồ họa), 2. Nguồn gốc nghệ thuật 3. Sự hình thành và phát triển của mỹ thuật Thế giới qua các thời kỳ bao gồm nội dung về các giai đoạn, xu hướng, loại hình nghệ thuật phương Tây từ thế kỷ 9 trước công nguyên đến nay và giới thiệu một số nền mỹ thuật phương Đông bao gồm mỹ thuật Ai Cập cổ đại, mỹ thuật Ấn Độ, Trung Quốc, Camphuchia, Nhật Bản… Nhằm cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lịch sử mỹ thuật, nguồn gốc hình thành và đặc điểm của các loại hình, giai đoạn, xu hướng nghệ thuật và rèn luyện cho SV các kỹ năng phân tích tác phẩm, khuyến khích sinh viên vận dụng các kiến thức thẩm mỹ để thể hiện trong chuyên ngành hẹp của mình. Môn học hướng sinh viên ý thức và trân trọng những giá trị của nghệ thuật trong đời sống xã hội, hình thành ý thức về đạo đức nghề nghiệp của người sáng tạo nghệ thuật và kỹ năng mềm làm việc nhóm, làm việc cá nhân, thuyết trình và tư duy, thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập nghiên cứu.	World Fine Arts History: World Art History includes the following contents: 1. Briefly present some concepts and languages of the visual arts (architecture, painting, sculpture, Graphics), 2. Origins of art 3. The formation and development of world art through the periods, including content about the stages, trends, and forms of Western art from the 9th century before AD to the present day and introduced some Eastern fine arts, including ancient Egyptian art, Indian art, Chinese art, Cambodia, Japan ... In order to systematically provide knowledge about art history, origin, and characteristics of art forms, periods, and trends, and train students skills to analyze works, encourage students to apply aesthetic knowledge to express in their narrow major. The subject teaches students to be aware of and appreciate the values of art in social life, to form a sense of professional ethics of art creators and soft skills for teamwork, individual work, presentation and thinking, serious attitude in studying and researching.
Lịch Sử Mỹ Thuật Việt Nam: Trình bày về sự hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam từ thời kỳ dựng nước cho đến nay, bao gồm hai phần: 1. Mỹ thuật cổ, 2. Mỹ thuật hiện đại. Nhằm cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lịch sử mỹ thuật Việt Nam, đặc điểm của từng giai đoạn mỹ thuật, các tác phẩm tiêu biểu trong kho tàng di sản văn hóa nghệ thuật Việt Nam, các loại hình, giai đoạn, xu hướng nghệ thuật hiện đại và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích tác phẩm, khuyến khích sinh viên vận dụng các kiến thức thẩm mỹ để thể hiện trong chuyên ngành hẹp của mình. Môn học hướng sinh viên ý thức và trân trọng những giá trị của nghệ thuật dân tộc trong đời sống xã hội, hình thành ý thức về đạo đức nghề nghiệp của người sáng tạo nghệ thuật và kỹ năng	History of Vietnamese Fine Arts: Presenting the formation and development of Vietnamese fine arts from the period of nation building up to now, including two parts: 1. Ancient fine arts, 2. Modern fine arts. In order to systematically provide knowledge about the history of Vietnamese art, the characteristics of each period of art, the typical works in the treasure of Vietnam's cultural and artistic heritage, the types and stages of art. modern art trends and trends, and train students in the skills of analyzing works, encouraging students to apply their aesthetic knowledge to express themselves in their narrow major. The subject teaches students to be aware of and appreciate the values of national art in social life, to form a sense of professional ethics of art creators, and to develop soft skills for

mềm làm việc nhóm, làm việc cá nhân, thuyết trình và tư duy, thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập nghiên cứu.	teamwork and individual work: personality, presentation, and severe thinking and attitude in the process of studying and researching.
Nghệ Thuật Học: Nội dung chính của học phần gồm: 1. Tổng quan về Nghệ thuật và Nghệ thuật học bao gồm: Khái niệm và nguồn gốc nghệ thuật, Bản chất hình tượng nghệ thuật, Các thành tố của hoạt động nghệ thuật. 2. Loại hình và đặc trưng ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật chủ yếu: Nghệ thuật ngôn từ – Văn học, Nghệ thuật biểu diễn – Âm nhạc & Múa, Nghệ thuật biểu diễn / tổng hợp – Sân khấu, Nghệ thuật - kỹ thuật – Điện ảnh & Nhiếp ảnh. 3. Tổng quan về Nghệ thuật tạo hình – Mỹ thuật. Nhằm Trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về các loại hình nghệ thuật chủ yếu. Góp phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng hiểu, khuyến khích sinh viên vận dụng các kiến thức nghệ thuật để thể hiện trong chuyên ngành hẹp của mình. Môn học hướng sinh viên ý thức và trân trọng những giá trị của nghệ thuật trong đời sống xã hội, hình thành ý thức về đạo đức nghề nghiệp của người sáng tạo nghệ thuật và kỹ năng mềm làm việc nhóm, làm việc cá nhân, thuyết trình và tư duy, thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập nghiên cứu.	Art Studies: The main content of the module includes: 1. Overview of Art and Art Studies includes: Concepts and origins of art, Nature of artistic images, and Elements of artistic activities. 2. Types and linguistic characteristics of the primary art forms: Language arts – Literature, Performing arts – Music & Dance, Performing/synthetic arts – Theater, Art – technical – Cinema & Photography. 3. Overview of Visual Arts – Fine Arts. In order to systematically equip students with basic knowledge of the primary art forms. They contribute to developing comprehension skills, encouraging students to apply artistic knowledge to express themselves in their narrow major. The subject teaches students to be aware of and appreciate the values of art in social life, to form a sense of professional ethics of art creators and soft skills for teamwork, individual work, presentation and thinking, serious attitude in studying and researching.
Phương pháp sáng tạo: các phương pháp tư duy cho việc suy nghĩ ý tưởng cho một chủ đề thiết kế. Giúp người thiết kế đồ họa phải có những giải pháp tư duy khác nhau để tìm được ý tưởng mới lạ cho concept. Các kỹ năng trình bày và thuyết phục cũng là một nội dung và sinh viên phải có ý thức ngay từ bước đầu tìm ý tưởng.	Creative Methods: Thinking methods for brainstorming ideas for a design topic. Help graphic designers to have different thinking solutions to find new ideas for the concept. Presentation and persuasion skills are also content; students must be conscious from the beginning to find ideas.
Nhập môn ngành nội thất: Môn học nhằm giúp sinh viên tiếp cận các lĩnh vực thuộc chuyên ngành và định hướng nghề. Các bài tập ứng dụng sử dụng nền tảng kiến thức trang trí màu, bố cục, cùng với ý tưởng tạo nên các sáng tạo mang tính thẩm mỹ cao. Qua môn học này sinh viên nhận diện được các thuật ngữ, khái niệm chuyên môn hình thành thói quen tự nghiên cứu để đam mê học tập tốt	**Introductory Furniture Industry:** The course aims to help students approach the fields of specialization and career orientation. Applied exercises use the knowledge base of color decoration, layout, and ideas to create highly aesthetic creations. Through this course, students can identify professional terms and concepts, and form a habit of self-study to have a good passion for learning.

Môn tự chọn 1: (1) Điêu khắc: cung cấp kiến thức ngôn ngữ kiến tạo hình khối; lịch sử điêu khắc Việt Nam; kiến thức nghệ thuật trang trí cho công trình và phương pháp sáng tác tác phẩm nghệ thuật điêu khắc độc lập, có mục đích hoặc mang một ý nghĩa công trình. Quá trình phát triển tư duy hình khối cơ bản để làm nền tảng dựng hình khi bước vào môn Thẩm mỹ thình khối. Môn học bao gồm học phần lý thuyết và đồ án hướng dẫn sinh viên sáng tác trên đất và trên chất liệu thạch cao. (2) Diễn hoạ chất liệu (marker/ màu nước…): Môn diễn hoạ chất liệu: hướng dẫn kiến thức và kỹ năng thể hiện diễn tả các chất liệu trong thiết kế nội thất bằng marker hoặc màu nước…, mục đích giúp người học diễn hoạ được các phương án thiết kế nhanh ý tưởng, tìm ý tưởng bằng phương pháp vẽ tay.	Electives 1: (1) Sculpture: providing knowledge in the language of building blocks, the history of Vietnamese sculpture, knowledge of decorative arts for buildings, and methods of composing independent sculptural works that have a purpose or meaning. The process of developing essential block thinking serves as a building foundation when entering the subject of Block Cosmetology. The course includes theoretical modules and projects to guide students to create on soil and plaster. (2) Visualization of materials (marker/watercolor...): Material illustration: instructing knowledge and skills to express and describe materials in interior design using markers or watercolors...; the purpose is to help learners visualize quickly design ideas, find ideas by hand drawing method.
Ứng dụng kỹ thuật số 1 (AutoCad 2D): Môn học AutoCAD giúp sinh viên nắm diện và ứng dụng. Sinh viên sử dụng các lệnh về file và một số lệnh vẽ cơ bản, biết thiết lập bản vẽ cơ bản, hệ toạ độ sử dụng trong autocad, các lệnh vẽ cơ bản. thành thạo các lệnh sao chép và biến đổi hình, layer, Text và hiệu chỉnh Text., thiết lập kích thước và các tùy biến ghi kích thước. Từ đó sinh viên thành thạo kỹ năng dàn trang trên Model và Layout và thiết lập in ấn. Xuất file sang các định dạng (pdf, eps, jpg, png,…).	Digital Application 1 (AutoCad 2D): AutoCAD subject helps students understand and apply. Students use files and basic drawing commands and know how to set up basic drawings and coordinate systems used in AutoCAD and basic drawing commands. Proficient in the commands to copy and transform shapes, layers, Text, and edit Text. Set the size and customize the size recording. Since then, students have mastered the skill of laying out pages on Model and Layout and setting up printing. Export files to formats (pdf, eps, jpg, png, ...).
Cơ sở bản vẽ và cấu tạo kiến trúc - nội thất: Môn học giúp sinh viên đọc hiểu bản vẽ kỹ thuật, thực hiện được hình chiếu thẳng góc và hình chiếu trục đo từ vật thể. Từ đó sinh viên thể hiện được bản vẽ mặt cắt của một sản phẩm nội thất, thể hiện được bản vẽ kỹ thuật của công trình bao gồm: mặt bằng, mặt đứng và mặt cắt. Ngoài ra, đồ án còn giúp sinh viên hiểu được cấu tạo các thành phần của công trình nhà ở và nắm được phương pháp vẽ ghi kiến trúc công trình.	Basics of drawings and structures of architecture - interior: The subject helps students read and understand technical drawings and perform perpendicular and axial projections from objects. From there, students can show a cross-sectional drawing of an interior product, showing a technical drawing of the work, including plan, elevation, and section. In addition, the project also helps students understand the structure of a house's components and the method of drawing and recording the architecture of the building.
Phương pháp sáng tạo: Phần 1: Khái quát về "ý tưởng" trong thiết kế Phần 2: Phương pháp hình thành "ý tưởng" trong thiết kế Input Analysis Output	The Creative Method: Part 1: An overview of "ideas" in design Part 2: Methods of forming "ideas" in design Input Analysis Output

Phần 3: Thực hành Input + Analysis + Output	Part 3: Practice Input + Analysis + Output
Ứng dụng kỹ thuật số 2 (SketchUp): *Chương I: Sketchup – Giao diện và ứng dụng.* *Chương II: Tìm hiểu công cụ và thao tác hiệu chỉnh.* *Chương III: Quản lí file và các công cụ hỗ trợ.* *Chương IV: Tìm hiểu các phương thức giao tiếp của phần mềm Sketchup với các phần mềm khác và cách thức triển khai . Các đơn vị đo đạc, 3d,...*Làm việc với Google Earth và 3Dwarehouse. Chiết xuất định dạng ảnh, film, Cad, Illus …Tìm hiểu Plugin, Vray dành cho Sketchup (nâng cao)	Digital App 2 (SketchUp): Chapter I: Sketchup – Interfaces and applications. Chapter II: Understanding editing tools and operations. Chapter III: File management and support tools. **Chapter IV:** Learn the communication methods of Sketchup software with other software and how to deploy. Instruments, 3d,...Works with Google Earth and 3Dwarehouse. Extract image, film, Cad, Illus…Learn Plugin, Vray for Sketchup (advanced)
Cơ sở ngành nội thất: -Phương pháp vận dụng nhiều ngành nghệ thuật làm cảm hứng định hình một chủ đề thiết kế. -Thuyết trình nhiều phương án thiết kế để chọn ra phương án tối ưu. -Thể hiện modul hoa văn họa tiết được đúc kết từ chủ đề thiết kế.	Furniture industry base: -A method of applying multiple arts as inspiration to shape a design theme. - Presenting many design options to choose the optimal one. -Show the pattern and texture module drawn from the design theme.
Nguyên lý thiết kế kiến trúc: Chương 1: Những khái niệm cơ bản về kiến trúc. Chương 2: Nội dung, phương pháp, trình tự thiết kế công trình kiến trúc - thiết kế nội thất. Chương 3: Nguyên tắc tạo hình thẩm mỹ kiến trúc. Thiết kế mặt bằng, hình khối, mặt đứng công trình kiến trúc. Chương 4: Các vấn đề về kỹ thuật và kinh tế của kiến trúc Chương 5: Thiết kế kiến trúc nhà ở. Chương 6: Thiết kế kiến trúc công trình công cộng. Chương 7: Một số xu hướng kiến trúc đương đại nước ngoài và Việt Nam Chương 8: Thiết kế kiến trúc bền vững – kiến trúc xanh	Architectural design principles: Chapter 1: Basic concepts of architecture. Chapter 2: Interior design's contents, methods, and order of architectural design. Chapter 3: Principles of architectural aesthetic shaping. Design of premises, shapes, and facades of architectural works. Chapter 4: Technical and economic issues of architecture Chapter 5: Architectural design of houses. Chapter 6: Architectural design of public works. Chapter 7: Some contemporary foreign and Vietnamese architectural trends Chapter 8: Sustainable architectural design – green architecture
Ứng dụng kỹ thuật số 3 (3DMax) Chương I: 3DSmax – Giao diện và ứng dụng Chương II: Tìm hiểu công cụ và thao tác hiệu chỉnh Chương III: Quản lí camera và ánh sáng trong 3dmax Chương IV: Quản lí vật liệu Standar & Vray/ Corona Chương V: Quản lí Môi trường – Setting Vray/ Corona	Digital Applications 3 (3DMax) Chapter I: 3DSmax – Interfaces and Applications Chapter II: Understanding editing tools and manipulations Chapter III: Camera and lighting management in 3dmax Chapter IV: Material Management Standar & Vray/ Corona Chapter V: Environmental Management – Setting Vray/ Corona

Vẽ phối cảnh nội thất Trong môn này, sinh viên được học: Kiến thức về luật xa gần, luật phối cảnh; Cách sử dụng các công cụ dựng hình phối cảnh; Các phương pháp dựng hình phối cảnh thông dụng; Phương pháp vẽ phác phối cảnh Nội thất.	Drawing interior perspective In this subject, students learn about the near and far law, the law of perspective, How to use perspective rendering tools, Common perspective rendering methods, and Interior perspective drawing methods.
Nguyên lý thiết kế nội thất Chương I: Không gian nội thất Chương II: Thiết kế nội thất Chương III: Ngữ pháp nội thất Chương IV: Các yếu tố cấu thành thiết kế nội thất Chương V: Hệ thống kỹ thuật trong môi trường nội thất	Principles of interior design Chapter I: Interior space Chapter II: Interior Design Chapter III: Interior Grammar Chapter IV: Elements of interior design Chapter V: Technical systems in the interior environment
Lịch sử nội thất Chương 1: Tiền sử, buổi đầu nền văn minh (Prehistory to early civilization) đến La Mã (Roma) Chương 2: Byzantine (Early Christian, Byzantine and Romanesque) đến nghệ thuật Gothic (Gothic style) Chương 3: Phục Hưng (Renaissance) đến Ba-rốc (Barocque) Chương 4: Chủ nghĩa hiện đại (the emergence of modernism) đến đương đại (Contemporary) Chương 5: Islamic and Asia traditions	Furniture history Chapter 1: Prehistory of early civilization in Rome Chapter 2: Byzantine (Early Christian, Byzantine, and Romanesque) to the Gothic style. Chapter 3: Renaissance to Baroque Chapter 4: the emergence of modernism to the contemporary (Contemporary) Chapter 5: Islamic and Asia traditions
Khai triển bản vẽ kỹ thuật và vật liệu Chương 1: Khai triển bản vẽ kỹ thuật sản phẩm nội thất Chương 2: Vật liệu gỗ và phụ kiện ứng dụng trong thiết kế sản phẩm trang thiết bị nội thất. Chương 3: Hướng dẫn thực hiện bản vẽ các mẫu liên kết cấu tạo gỗ trong trang thiết bị nội thất	Development of technical and material drawings Chapter 1: Developing technical drawings of furniture products Chapter 2: Wood materials and accessories are applied in interior equipment design. Chapter 3: Instructions for making drawings of wood structure connection samples in interior equipment
Môn tự chọn II: (1) Công nghệ thực tế ảo (VR/ AR...) Thực hành chương trình hỗ trợ 3 chiều giả lập môi trường thực tế ảo, các bản vẽ nội thất sẽ được trình diễn sinh động qua công cụ kính chuyên dụng, giúp người dùng tương tác với môi trường 3D ảo một cách trực quan… (2) Ứng dụng kỹ thuật số (Photoshop/ ...) Giới thiệu giao diện PTS, thao tác với các vùng chọn, cọ vẽ, layer, màu sắc và hiệu chỉnh màu sắc, nhóm công cụ chỉnh sửa hình ảnh, filter, lưu trữ và xuất các đinhj dạng file; giới thiệu giao diện làm việc trong phần mềm Illustrator, công cụ pen, công cụ type, công cụ pathfinder, lưu trữ và xuất các định dạng file	(1) Virtual reality technology (VR / AR...) Practicing the 3-D program that simulates the virtual reality environment, interior drawings will be vividly demonstrated through specialized glasses tools, helping users interact with virtual 3D environments visually… (2) Digital applications (Photoshop/...) Introduction to PTS interface, manipulating selections, brushes, layers, color and color correction, group of image editing tools, filters, store, and export file formats; Introduce working interface in Illustrator software, pen tool, a type tool, pathfinder tool, save and export file formats

Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất Trong môn này, sinh viên được học về: Sơ lược quy trình thiết kế Nội thất và các giai đoạn thể hiện ý tưởng (Nhấn mạnh tầm quan trọng của bản vẽ và mô hình); Các chất liệu vẽ thông dụng của ngành Thiết kế Nội thất (Nhấn mạnh 4 chất liệu: bút kim, bút chì, màu nước và marker); Phương pháp vẽ ghi hiện trạng, vẽ ghi nghiên cứu; Bố cục bản vẽ phương án Nội thất; Phương pháp thực hiện mô hình Thiết kế Nội thất	Techniques to show interior projects In this subject, students learn about: Outline of the Interior Design Process and Conceptualization Stages (Emphasizing the importance of drawings and models); Common drawing materials of the Interior Design industry (Emphasis on four materials: pen, pencil, watercolor, and marker); Methods of drawing to record the current state, drawing to record research; Layout drawing of the Interior plan; The method of implementing the Interior Design Model
TK Chiếu sáng nội thất Chương 1: Những khái niệm cơ bản về ánh sáng và thiết kế chiếu sáng trong nội thất Chương 2: Ánh sáng tự nhiên và ánh sáng nhân tạo Chương 3: Thiết kế chiếu sáng nội thất trong không gian chuyên biệt	Interior Lighting Design Chapter 1: Basic concepts of lighting and interior lighting design Chapter 2: Natural light and artificial light Chapter 3: Interior lighting design in specialized spaces
Đồ án chuyên ngành tự chọn (Giáo dục/ văn hoá/ triển lãm/ thư viện…) Đồ án bao gồm các loại đồ án để sinh viên tự chọn theo sở thích và sở trường bản thân như: đồ án giáo dục, đồ án văn hoá, đồ án triển lãm, đồ án thư viện… Thông qua đồ án án này sinh viên sẽ xác định được năng lực chuyên môn của mình thuộc thể loại công trình gì, từ đó phát huy tối đa khả năng trong quá trình làm đồ án tốt nghiệp.	Optional specialized project (Education/culture/exhibition/library…) The project includes various types of projects for students to choose from according to their interests and strengths, such as educational, cultural, exhibition, library, etc. Students will determine what type of work their professional competence belongs to, thereby maximizing their ability in the process of making graduation projects.
Luật sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu trí tuệ và vai trò trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy; xác định quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; quản lý đối với tài sản trí tuệ.	**Intellectual property law:** Intellectual property rights and their role in research and teaching; determine ownership of research results; protect intellectual property rights; management of the intellectual property.
Đồ án TKNT công trình Nhà ở (Căn hộ/ Penthouse/ Biệt thự...) Môn học này, sinh viên được tự lựa chọn loại hình nhà ở và được hướng dẫn thiết kế nội thất toàn bộ công trình đó, có thể bao gồm các khu chức năng: Phòng khách, phòng sinh hoạt chung, các phòng ngủ, phòng làm việc, thư viện, phòng giải trí, phòng thể dục, vệ sinh, sân vườn, gara… Đặc biệt học phần này sinh viên được học về các nguyên tắc trang trí (Decorating) trong nhà ở. Đây là lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu về các kỹ năng trang trí, cách phối màu, phụ kiện, bề mặt vật liệu và đồ đạc phối hợp tạo nên không gian nội thất có phong cách.	The architectural design of the housing project (Apartment/ Penthouse/ Villa...) In this course, students can choose the type of housing themselves and be guided in the interior design of the whole building, which may include functional areas: Room living room, common room, bedrooms, office, library, recreation room, gymnasium, restroom, garden, garage... Especially in this module, students learn about decorating principles. They are decorating) in housing. It is an in-depth study of decorative skills, color schemes, accessories, surfaces, and furnishings that work together to create stylish interiors.
Đồ án TKNT công trình Thương mại (Cửa hàng/ showroom/ Coffee...) Trong môn học này, sinh viên được học những kiến thức cơ bản về thiết kế nội thất shop, showroom, triển lãm thương mại, và nội thất quán cà phê, quán trà. Cụ thể: Kiến thức về shop, showroom, triển lãm thương mại: Khái niệm chung,	The architectural design of commercial works (Shop/showroom/Coffee...) In this course, students learn the basics of the interior design of shops, showrooms, trade shows, and the interior of cafes and tea houses. Specifically: Knowledge of shops, showrooms, and trade shows General concepts,

phân loại, vai trò và chức năng của từng loại hình trưng bày thương mại; Mối liên hệ giữa tính chất đặc trưng của hàng hóa với phương án thiết kế không gian trưng bày; Ứng dụng nhân trắc học trong không gian trưng bày thương mại; Các vật liệu và kỹ thuật mới, xu hướng thiết kế trưng bày thương mại hiện nay.	classifications, roles, and functions of each type of trade display; The relationship between the characteristic properties of the goods and the design of the exhibition space; Application of anthropometry in the commercial exhibition space; New materials and techniques, current trade show design trends.
Đồ án TKNT công trình Dịch vụ Chương 1: Các loại hình khách sạn Chương 2: Các loại hình nhà hàng Chương 3: Các loại hình Resort và Spa (Khách sạn, Resort, Nhà hàng, Spa...)	Architectural engineering project of Service works Chapter 1: Types of hotels Chapter 2: Types of restaurants Chapter 3: Types of Resorts and Spas (Hotel, Resort, Restaurant, Spa...)
Môi trường và con người: Môn học được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên về môi trường, giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Nội dung chính của môn học bao gồm: Cơ sở khoa học về môi trường: bao gồm khái niệm về môi trường và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa con người và môi trường; Tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường, tương ứng cho từng loại: không khí, nước, đất và năng lượng; Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến môi trường tự nhiên, con người và kinh tế xã hội; Các công cụ nhằm kiểm soát và hạn chế ô nhiễm môi trường; Biến đổi khí hậu và các vấn đề toàn cầu.	Environment and people: The course is designed for non-environmental students, helping students to acquire basic knowledge about the environment, the interrelationship between people and the environment, scientific basis environmental studies, causes and consequences of environmental pollution and climate change, solutions to reduce pollution and adapt to the impacts of climate change. The main content of the course includes The scientific basis of the environment: including the concept of environment and environmental pollution, the relationship between people and the environment; Natural resources and environmental pollution, respectively: air, water, land, and energy; Effects of environmental pollution on the natural environment, human and socio-economic; Tools to control and limit environmental pollution; Climate change and global issues.
Marketing: Tổng quan về marketing, các chính sách trong lĩnh vực marketing, nguồi tiêu dùng và phân khúc thị trường dị biệt và sáng tạo; khám phá insight của sản phẩm, của nhãn hiệu; định vị thương hiệu; chiến lược quảng cáo sản phẩm; ứng dụng marketing trong sáng tạo và xây dựng nhãn hiệu trong lĩnh vực kinh doanh mỹ thuật.	Marketing: Overview of marketing, policies in marketing, consumer sources, and market segmentation differentiated and innovative; discover insights of products and brands; Brand Positioning; product advertising strategy; Marketing applications in creativity and branding in the field of the art business.
Đồ án TKNT Văn phòng Trong môn học này, sinh viên được học về: Khái niệm Văn phòng; Vai trò, chức năng của Văn phòng đối với hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; Sơ lược kịch sử phát triển của loại hình Văn phòng; Phân loại và đặc điểm của một số loại văn phòng hiện nay; Cách thức tổ chức không gian chức năng và giao thông trong Văn phòng; Tác động của khái niệm Nhận diện thương hiệu, Văn hóa doanh nghiệp/tổ chức đến thiết kế nội thất Văn phòng; Các vấn đề kỹ thuật (xử lý vật liệu nội thất, lắp đặt trần, vách ngăn, các module,	Office Interior Design Project In this subject, students learn about: Concept of the Office; Roles and functions of the Office for the activities of enterprises/organizations; Brief history of the development of the Office type; Classification and characteristics of some types of offices today; How to organize functional space and traffic in the Office; Impact of the concept of Brand Identity, Corporate/Organizational Culture on Office interior design; Technical issues (furniture material handling, installation of ceilings, partitions, modules, lighting engineering, ventilation, air

kỹ thuật chiếu sáng, thông gió, điều hòa nhiệt độ,...)	conditioning, ...)
Đồ án TK trang thiết bị nội thất (SV thực hành tại xưởng doanh nghiệp) Đồ án hướng dẫn sinh viên đề xuất ý tưởng ứng dụng thiết kế một sản phẩm đồ đạc nội thất đạt công năng sử dụng thoải mái, đạt yếu tố thẩm mỹ tạo hình thiết kế, đạt nhu cầu thi trường và nhu cầu sản xuất. Đồ án thể hiện trải qua qui trình thiết kế 3 bước. (1) Tìm ý tưởng, cảm xúc thiết kế một sản phẩm đồ đạc mới lạ sáng tạo kết quả là phần thuyết trình ý tưởng; (2) Thực hiện mô phỏng sản phẩm qua bài tập thể hiện mô hình từ thô đến tinh; (3) Hoàn tất bản vẽ và thi công sản phẩm tại xưởng mộc, nhà máy; (4) Hoàn thành sản phẩm thi công vật liệu thật, tỉ lệ thật và bản vẽ nộp chấm hội đồng. Ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên còn được trang bị thêm kiến thức về môi trường và biến đổi khí hậu do sự tác động về ngành nguyên liệu gỗ được khai thác sử dụng sản xuất đồ gỗ ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, làm biến đổi môi trường và khí hậu…	Design project of interior equipment (students practice at enterprise workshops) The project guides students to propose ideas for applying the design of a furniture product that achieves comfortable use, aesthetic design elements, and market and production needs. The project demonstrates a 3-step design process. (1) Finding ideas and emotions to design a novel and innovative furniture product, resulting in an ideal presentation; (2) Perform product simulation through the exercise showing the model from rough to fine; (3) Complete drawings and product construction at the carpentry workshop, factory; (4) Complete construction products with actual materials, accurate scale and drawings submitted to the council. In addition to professional knowledge, students are also equipped with more knowledge about the environment and climate change due to the impact on the wood material industry, which is exploited for wood furniture production, which will more or less affect forest resources. , change the environment and climate...
Môn học tự chọn III (chọn 1 trong 2 môn) **(1) Nghiên cứu kiến trúc - nội thất truyền thống:** Trong môn học này, sinh viên được học các kiến thức cơ bản về các không gian nội thất truyền thống của các dân tộc Việt Nam, trong mối quan hệ không thể tách rời với kiến trúc, đồ đạc và đồ trang trí. Ngoài ra, để hiểu biết sâu sắc về không gian nội thất truyền thống Việt Nam, sinh viên còn được tìm hiểu mối quan hệ giữa nội thất truyền thống với các kiến thức tổng hợp về tự nhiên khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, sự chuyển biến của tư tưởng thẩm mỹ trong văn hóa nghệ thuật và điều kiện kỹ thuật, kinh tế, xã hội trải qua các thời kỳ lịch sử. **(2) Thiết kế trải nghiệm cộng đồng:** Môn học giúp sinh viên có môi trường tiếp cận các dự án thuộc công đồng do các tổ chức, cá nhân chuyên gia hoạt động hướng dẫn, giúp sinh viên có trách nhiệm với cộng đồng thông qua thiết kế. Thiết kế bền vững Thiết kế cộng đồng…	**Elective Subject III** (choose 1 out of 2 subjects) (1) Research on traditional architecture - interior: In this course, students learn basic knowledge about traditional interior spaces of Vietnamese ethnic groups, in an inseparable relationship. with architecture, furniture, and decorations. In addition, to have a deep understanding of the traditional interior space of Vietnam, students also learn the relationship between traditional furniture and general knowledge about climate, natural resources, and the environment. Art culture's aesthetic thought changes and technical, economic, and social conditions through historical periods. (2) Community experience design: The subject helps students have an environment to approach community projects guided by organizations and individuals, helping students to be responsible to the community through design. Sustainable design Community design…
Nghiên cứu chuyên đề nội thất: Môn học hướng dẫn sinh viên phương pháp tiếp cận đề tài và viết nghiên cứu 1 đề tài thuộc lĩnh vực nội thất. Đề tài có định hướng cho đồ án Tiền tốt nghiệp và tốt nghiệp. Đồng thời qua môn học này sinh viên có kỹ năng viết cấu trúc đề cương luận văn nghiên	**A thematic study of furniture:** The course guides students to approach the topic and write research on a topic in the field of furniture. The topic has orientation for the project Pre-Graduation and Graduation. At the same time, through this course, students have the skills to write a scientific research thesis

cứu khoa học…	outline structure…
Đồ án Tiền tốt nghiệp: Phần lý thuyết *Chương 1: Định hướng chọn đề tài* I. Các nhóm đề tài II. Phươn pháp tiếp cận đề tài III. Báo cáo nghiên cứu *Chương 2: Giải quyết đề tài* I. Cơ sở lý luận đề tài II. Co sở thực tiễn đề tài III. Cơ sở ứng dụng đề tài Phần thực hành Thuyết minh đề tài nghiên cứu Hồ sơ thể hiện	Pre-Graduation Project: Theory part Chapter 1: Orientation to choose a topic I. Topic groups II. Approach to the topic III. Research report Chapter 2: Solving the topic I. Theoretical basis of the topic II. Have a practical basis for the topic III. Application basis of the topic Practical part Explanation of research topic Presentation profile
Thực tập tốt nghiệp: Sinh viên chủ động lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và báo cáo kế hoạch thực tập tại các doanh nghiệp/ văn phòng/ công ty… Qua chương trình thực tập 10 tuần tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ có nhiều kiến thức thực tế, sử dụng cho hệ thống bài tốt nghiệp tốt hơn. Có thể sinh viên tự thực hiện dự án cá nhân và làm báo cáo đề tài…	**Graduation internship:** Students actively plan, implement and report internship plans at enterprises/offices/companies… Through the 10-week internship program at enterprises, students will have more practical knowledge for a better post-graduation system. Students can do their projects and report on the topic…
Đồ án tốt nghiệp: Giảng đề chung (phổ biến qui định yêu cầu đồ án và các tiêu chí xét duyệt, qui định chế tài vi phạm, qui chế tốt nghiệp chuyên ngành nội thất...) Đồ án chia làm các giai đoạn xét duyệt: • Xét duyệt giai đoạn cấp ngành - Đạt hoặc không đạt • Xét duyệt giai đoạn cấp Khoa - Đạt hoặc không đạt • Nộp hồ sơ tốt nghiệp - Portfolio • Chấm sơ khảo - thuyết trình ý tưởng • Chấm bảo vệ tốt nghiệp - trình bày bảo vệ đồ án trước hội đồng.	Graduation thesis: General lecture (disseminating regulations on project requirements and criteria for approval, regulations on sanctions for violations, regulations on the graduation of interior majors...) The project is divided into stages of approval: • Sector stage review - Pass or fail • Approval at Faculty level - Pass or fail • Submit graduation application - Portfolio • Preliminary grading - presenting ideas • Graduation defense - presenting the project defense in front of the council.

Phụ lục II: Bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học trong chương trình	**Appendix II: Course specifications of all courses in the program**
Các bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) theo mẫu của nhà trường thiết lập dựa trên các tiêu chuẩn kiểm định khu vực và quốc tế	The university's course specifications template is drafted based on regional and international accreditation standards
Link: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/vi/thong-tin-chung/273-de-cuong-chi-tiet-chuong-trinh-dao-tao-nganh-thiet-ke-noi-that	Link: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/vi/thong-tin-chung/273-de-cuong-chi-tiet-chuong-trinh-dao-tao-nganh-thiet-ke-noi-that